



Câu hỏi ôn tập môn chính trị học

CHÍNH TRỊ HỌC

Câu 1: Chính trị là gì? Phân tích mối quan hệ giữa chính trị và chính trị học?

1.Khái niệm: có nhiều quan niệm khác nhau về chính trị, tuy nhiên việc giải thích kh về khái niệm thì chỉ quan xh khi có chủ nghĩa Mac.

Theo quan điểm của Mac – Lênin thì: Chính trị là sinh hoạt xh gắn liền với các quan hệ giữa các giai cấp, các dân tộc và các nhóm xh khác nhau mà hạt nhân của nó là vấn đề giành giữ và sử dụng quyền lực nhà nước. Nó bao hàm cả những phương hướng, mục tiêu xuất phát từ lợi ích cơ bản của giai cấp và cả hoạt động thực tiễn của các giai cấp, chung các nhóm xh, các đảng phái chính trị, các chính khách và của mỗi người dân trong việc thể hiện lợi ích giai cấp.

2.Mối quan hệ giữa chính trị và chính trị học:

***Chính trị học:** là kh nghiên cứu ĐS chính trị của xh với tư cách là một chỉnh thể nhằm làm sáng tỏ những qui luật và tính qui luật chung nhất của lực lượng chính trị để hiện thực hoá tính qui luật và những qui luật đó trong xh được tổ chức thành nhà nước.

***Mối quan hệ:**

-Là là mối quan hệ giữa đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu.

+Chính trị là đối tượng nghiên cứu của chính trị học.

+Chính trị học nghiên cứu đời sống chính trị với tư cách là một chỉnh thể những qui luật, cơ chế tác động, phương thức thủ luật chính trị ...

-Tất cả những tri thức mà chính trị học nghiên cứu là một bộ phận cấu thành nên chính trị.

Câu 2: Chính trị học là gì? Đối tượng nghiên cứu của chính trị học.

1.Khái niệm: Chính trị học là kh nghiên cứu đời sống chính trị của xh với tư cách là một chỉnh thể nhằm làm sáng tỏ những qui luật và tính qui luật chung nhất của chính trị; nghiên cứu cơ chế tác động và những phương thức, thủ thuật chính trị để hiện thực hoá tính qui luật và những qui luật đó trong xh được tổ chức thành nhà nước.

Theo Lênin: cái quan trọng nhất trong chính trị là “ tổ chức cơ quan nhà nước ”.

Chính trị là: + Sự tham gia của nhân dân vào các việc của nhà nước, các định hướng của nhà nước, xác định hình thức, nhiệm vụ, nhân dân hoạt động của nhà nước.

+Bất kỳ vấn đề xh nào cũng mang tính chính trị vì việc giải quyết nó trực tiếp hoặc gián tiếp điểu gắn với lợi ích của giai cấp, với vấn đề quyền lực.

Vậy quan điểu trên đòi hỏi ta phải tiếp cận chính trị với tư cách:

-Là một hình thức hoạt đông xh đặc biệt.

-Là một loạt quan hệ xh đặc thù.

***Đối tượng:**

-Chính trị có đối tượng nghiên cứu là những tính qui luật, qui luật chung nhất trong lĩnh vực chính trị của đời sống xh.

-Ngoài ra chính trị học cũng nghiên cứu cơ chế tác động, thủ thuật vận dụng những qui luật đó trong đời sống chính trị

-Một hình thức hoạt động xh đối trọng liên quan dẫn đến vấn đề nhà nước: chính trị học nghiên cứu;

+Mục tiêu chính trị trước mắt và những mục tiêu triển vọng mang tính hiện thực, cũng như con đường giải quyết những nghĩa vụ để đạt được mục tiêu đó.

+Những phương pháp, phương tiện, thủ thuật cộng hình thức tổ chức để đạt được mục tiêu đề ra.

+Việc lựa chọn và sắp xếp cán bộ thích hợp để giải quyết những nghĩa vụ đó.

-Một hệ thống những quan hệ xh đặc biệt liên quan đến vấn đề nhà nước: chính học nghiên cứu.

+Mối quan hệ giữa các giai cấp (thực chất là quan hệ về lợi ích chính trị mà các giai cấp theo đuổi).

+Hệ thống Đảng chính trị, mối quan hệ qua lại giữa chúng dẫn đến hình thành: lý luận chung chính trị cộng kinh nghiệm hoạt động và biệc vận dụng những kinh nghiệm đó vào việc xác định Đ'.

+Nhà nước và tính chất nhà nước; cơ cấu và cơ chế sử dụng quyền lực nhà nước.

+Nhà nước quan hệ dân tộc và các tầng lớp xh khác nhau (hình thành lý luận dân tộc và vận dụng vào điểu kiện cụ thể của mỗi dân tộc).

+Việc lựa chọn và sử dụng con người thích hợp để giải quyết những nghĩa vụ chính trị cụ thể.

+Quan hệ giữa các quốc gia (hình thành học thuyết chính trị quốc tế).

Câu 3: Hãy phân tích các chức năng và nhiệm vụ cơ bản của chính trị học ở nước ta hiện nay?

1. Chức năng và nhiệm vụ chung:

- Là phục vụ cuộc sống của con người. ở VN là phục vụ cho công cuộc xây dựng CNXH, góp phần làm sáng tỏ về mặt lý luận, các quan điểm của Đ' chính sách của nhà nước XHCN, và ứng dụng thực tiễn để tăng cường lãnh đạo của Đảng, nâng cao vai trò quản lý của nhà nước, góp phần phát triển và hình thành VH chính trị, nhân cách chính trị cho mỗi cá nhân trong xã hội.

2. Nhiệm vụ cụ thể:

- Với tư cách là một khoa học, chính trị học góp phần phá đúng đắn những tính qui luật và những qui luật cơ bản nhất của đời sống chính trị trong khuôn khổ một nước cũng như trên qui mô quốc tế.

Trên cơ sở đó hình thành những lý luận, cơ sở khoa học về tổ chức chính trị, cải cách mô hình, cơ chế thực thi quyền lực, lý giải mối quan hệ giữa các chủ quyền chính trị.

- Chính trị học góp phần luận chứng và hình thành cơ sở khoa học cho các hoạt động chính trị, cho việc hoạch định mục tiêu, chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng và nhà nước, công cụ cơ sở khoa học để hình thành các Q' sách và quyết định chính trị của đảng và nhà nước, cá nhân. Thẩm định các quyết định chính trị từ phương diện khoa học. (đây là nhiệm vụ quan trọng nhất vì khi đã có cơ sở khoa học để đánh giá các chính sách của Đảng, nhà nước là đúng đắn sẽ hình thành lòng tin, thể hiện tự giác của nhân dân).\

- Nghiên cứu đề xuất cơ chế, phương thức để thực thi các Q' sách và quyết định chính trị nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

- Góp phần xác định một hệ thống các quan điểm là cơ sở trong công cuộc đổi mới.

(VN xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần dựa trên chính sách khoa học nào? quyền lực nhà nước thống nhất dựa trên chính sách khoa học nào?).

- Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, các nhà lãnh đạo chính trị để thực thi những mục tiêu đề ra, phấn đấu cho sự phát triển của đảng và nhà nước ta.

(Chính trị học là khoa học chân thực sẽ cung cấp cho các nhà lãnh đạo những tư chất: chạy bán chính trị, có sáng kiến và khả năng tìm tòi, có năng lực đàm thoại chính trị ... để lãnh đạo những con người, tổ chức có những tâm lý, tính chất, nhu cầu khác nhau. Ngoài ra chính trị học và các khoa học khác cũng cung cấp cho những cán bộ chính trị những tri thức thực tiễn chính trị, khoa học và nghệ thuật chính trị).

Câu 4: trình bày phương pháp luận và các phương hướng cụ thể trong nghiên cứu chính trị học.

1. nói một cách chung nhất, phương pháp nghiên cứu của chính trị học là sự vận dụng phương pháp biện chứng duy vật, lý thuyết về hình thái kt-xh, học thuyết về giai cấp và điều tra giai cấp, quan điểm duy vật lịch sử nói chung vào việc nghiên cứu lĩnh vực chính trị của đời sống xã hội.

2. Về mặt phương pháp luận:

- Chủ yếu dựa trên quan điểm của CN Mac-Lênin về CN duy vật biện chứng và CN duy vật lịch sử. Do:

+ Phép biện chứng duy vật góp phần phát hiện mâu thuẫn và động lực của sự phát triển xã hội dẫn đến xây dựng chiều hướng chung của sự phát triển lịch sử và vai trò của các lý luận chủ yếu trong xã hội.

+ Phép biện chứng duy vật giúp giải quyết một cách khách quan mối quan hệ giữa mục tiêu chính trị và phương tiện thực hiện mục tiêu đó. (trong khi kiên định mục tiêu chính trị có thể thay đổi phương pháp, phương tiện).

- Vừa có phương pháp đặc thù, vừa vay mượn của các ngành khác.

3. Phương pháp cụ thể:

- Phương pháp thống nhất giữa logic và lịch sử:

+ Một sự kiện, một hiện tượng chính trị ra đời gắn liền với hoàn cảnh cụ thể.

+ Như vậy để có thể hiểu được đúng, một hiện tượng chính trị thì ta phải có những tri thức về lịch sử xã hội của nó: hiện tượng đó xã hội như thế nào? trải qua các giai đoạn nào? hiện thời đang ở trong giai đoạn nào? khuynh hướng vận động trong tương lai ra sao?

+ Nghiên cứu các hiện tượng chính trị phải đạt được mục đích là nhận được logic khách quan của nó. Và bằng cách so sánh, phân tích, khái quát thực tế lịch sử chính trị dẫn đến ta sẽ rút ra cái bản chất, qui luật của đời sống chính trị.

- Phương pháp hệ thống:

+ Mọi sự vận động nói chung, đời sống chính trị, đời sống chính trị nói riêng đều là một hệ thống gồm nhiều nhân tố, nhiều quá trình có liên hệ hữu cơ và tác động lẫn nhau.

+ tính hệ thống của các quá trình và đời sống chính trị sẽ qui định tính hệ thống của phương pháp nghiên cứu nó.

- Phương pháp so sánh:

+So sánh hai hiện tượng, hai quá trình chính trị có thể thấy được tính tương đồng, sự khác nhau của mỗi chế độ chính trị. Từ đó thấy được cái mạnh, yếu của từng loại thiết chế.

+So sánh các giai đoạn phát triển của một quốc gia dẫn đến có thể hiểu được đời sống chính trị của một quốc gia.

+Bằng cách so sánh, ta có thể xét đoán được nguyên nhân của các sự kiện chính trị.

-Phương pháp thống kê, thực nghiệm, xã hội học:

+nhờ những sự kiện thực tế và số liệu cụ thể mang tính khách quan dẫn đến sự khái quát về chính trị sẽ có sức mạnh dẫn đến tăng tính thuyết phục và hiệu quả trong việc thực hiện các quyết sách chính trị trong thực tế.

Phối hợp tất cả phương pháp dẫn đến tạo nên hiệu quả

Câu 5: Trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng chính trị Nho gia?

Nho gia lấy “ Ngũ kinh ” dịch, thư, thi, lễ, nhạc.

“ Tứ thư ” Luận ngữ, trung dung, đại học, mệnh tử.

Làm nền tảng tư tưởng dạy đạo làm nhân và dạy giai cấp thống trị ấy đức đề cai trị dân.

Không tử, Mạnh tử, Tuân tử, là 3 nhà tư tưởng nổi bật của Nho gia thời Xuân Thu Chiến Quốc.

***Không tử:**

-Là người sáng lập ra Nho giáo.

-Thời ô kt phát triển thấp, tình trạng phát tán là phổ biến, chưa có điều kiện thống nhất đất nước như thời Tần dẫn đến Không tử phải tôn quân và chấp nhận sự chuyển tử, ông chỉ cố gắng để cải thiện nó mà thôi.

***Tư tưởng của Không tử.**

-Tư tưởng chính trị của Không tử là lấy “ đạo nhân ” làm gốc có sửa được cho ngay chính thì nhân hình tài mới theo mà giúp dẫn đến việc chính trị rất nhanh có Phiệu:

Vậy chính trị của không tử là hành động chứ không phải ngồi yên. Việc chính trị là quan trọng nhất vì nó có quan hệ tới sự hay hoặc dở của nhân quần, sự trị loạn của thiên hạ. Việc chính trị là do “ người hành chính ” do vậy nhân cầm quyền cũng phải lo sửa mình, dùng nhân tài mà là việc nước, việc dân.

-Toàn bộ học thuyết của Nho giáo đều khẳng định: khi con người tập hợp lại thành xã hội thì phải có quyền tối cao để gửi kỳ cương cho cả một đường dẫn đến đó là quân quyền. Quân quyền phải để cho một người gửi (thể hiện rõ mỗi thống nhất).

Người gửi quân quyền gọi là đế hoặc vương (vua). Vua phải lo việc nước, dưới vua có quan giúp làm mọi việc có lợi cho cả dân nước.

Vậy chính trị của Nho giáo lấy nghĩa quân thân làm gốc thân dân phải chung quân. Chung quân là chung với quân quyền (mà là quân quyền không trái với lòng dân).

-Quân tử (người cầm quyền chính trị) phải biết làm điều dân nghĩa, đạo đức thì thiên hạ sẽ theo mình mà biết chế chính, chính trị vững ở chỗ là người cầm quyền có thịnh đức.

Khổng Tử cho rằng: làm chính trị có 3 điều hệ trọng:

+Làm cho dân hiểu.

+Làm cho dân giàu.

+Dậy cho dân biết lễ nghĩa.

Ông cho rằng “ dân tin ” rất quan trọng dẫn đến người cầm quyền phải lấy người nghĩa mà trị thì dân mới tin- phục.

Vậy tư tưởng chính trị của Khổng Tử lấy đạo đức làm trọng, là cơ bản, quyết định. (vậy, người ta cho học thuyết của ông là: chính doanh hay đức trị).

Câu 6: Trình bày nội dung cơ bản của tư tưởng chính trị Pháp gia. Những ưu điểm và nhược điểm của tư tưởng này.

-Hàn Phi là nhà tư tưởng chính trị nổi tiếng của học phái pháp gia.

-Ông ở vào thời nước Trung Hoa cực loạn, các thế lực tranh giành nhau đất đai, quyền lực đến người đời chỉ biết xu danh, trục lợi và việc làm thì rất tàn bạo.áp.

*Tư tưởng chính trị của Hàn Phi và phái Pháp gia (Pháp trị):

-Tư tưởng chính trị của Hàn Phi: theo ông phải lấy pháp luật để cai trị dân, pháp luật lại phải cải biến theo thời thế (nếu không sẽ loạn).

Theo ông pháp luật phải được viết thành văn và được phổ biến rộng rãi cho mọi người. Pháp luật phải văn minh có thưởng, phạt rõ ràng.

ông coi : Pháp, thuật, thế là 3 yếu tố không thể thiếu được của pháp trị.

+Pháp: luật pháp.

+Thuật: thuật cai trị.

+Thế: quyền lực của người làm Nca.

-Hàn Phi theo chủ nghĩa cực đoan về đường bì pháp đến những gì không lường đến hành pháp hay không có lợi ích thì ông bỏ hết. Ông tỏ ra khinh dân, chỉ dùng dân như công cụ.

#Ưu điểm:

-Học thuyết của Hàn Phi lấy pháp luật làm công cụ trị nước là phù hợp với xu hướng thống nhất trên cơ sở thiết lập chế độ phong kiến chuyên chế TW tập quyền của giai cấp địa chủ phong kiến đến điều đó là tiến bộ vì nó phù hợp với qui luật kết quả của sự tăng lịch sử Trung Quốc.

#Nhược điểm;

-Là học thuyết nhằm bảo vệ chế độ chuyên chế tàn bạo, lấy pháp luật hà khắc để cai trị, coi khinh nhân dân, coi dân chỉ là những kẻ chỉ biết phục tùng, râng lệnh do vậy là thứ pháp luật tàn bạo và phi nhân đạo.

Câu 11: Quyền lực là gì? Tại sao nói quan hệ quyền lực là quan hệ phổ biến trong XH.

1. khái niệm: vấn đề quyền lực đã được nghiên cứu từ lâu nhưng chưa có định nghĩa thực sự khoa học . Định nghĩa trong bk triết học cho rằng.

-Quyền lực là khả năng thực hiện ý trí của mình có tác động đến hành vi, phẩm hạnh của người khác nhờ một phương tiện nào đó như uy tín, quyền hành, nhà nước, sức mạnh ...

2.Quan hệ quyền lực là quan hệ phổ biến trong xh vì:

-Với nghĩa chung nhất thì quản lý là cái mà nhờ đó người khác phải phục tùng. Mặt khác, hoạt động chung mang tính cộng đồng là cái vốn có trong hoạt động của con người, bất kỳ hoạt động nào cũng cần phải có tổ chức, chỉ huy và kẻ phục tùng sang quản lý ra đời và tồn tại và cùng với sự ra đời và tồn tại của con người. Như vậy bất kỳ có người nào sống trong xh để tham gia vào nghĩa của hệ quyền lực và bị chi phối bởi những quyền lực ấy.

Câu 12: Quyền lực chính trị là gì? Phân biệt quyền lực chính trị với các loại quyền lực khác.

1.Khái niệm: quyền lực chính trị là quyền lực của một giai cấp hay liên minh giai cấp, tập đoàn xh hoặc của nhân dân (trong điều kiện XHCN) ý trí của mình trong

chính trị, có nghĩa là khả năng của giai cấp, liên minh giai cấp, tập đoàn ấy thực hiện lợi ích của mình trong mối quan hệ với các giai cấp, liên minh giai cấp và tập đoàn khác.

-Theo Ănggen: “ quyền lực chính trị, theo đúng nghĩa của nó ”.

Câu 14: Cấu trúc quyền lực chính trị ở VN hiện nay gồm những yếu tố nào? Phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố nào.

1. Cấu trúc quyền lực chính trị ở VN.

-Sau cách mạng tháng 8 năm 1945, cấu trúc quản lý chính trị thay đổi về chất, Đảng cộng sản VN thành Đảng cầm quyền, VN xây dựng 1 nhà nước dân chủ cộng hoà trên cơ sở của liên minh C-N dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Bản chất của chế độ xhVN hiện nay là xh do nhân dân lãnh đạo làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản VN và sự quản lý của nhà nước CHXHCNVN, các tổ chức chính trị –xh là cơ sở chính trị của quần chúng nhân dân, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Cấu trúc quyền lực mới: bảo đảm quyền lực chính trị thuộc về nhân dân lãnh đạo bảo đảm quyền lợi của chủ nghĩa, nhân dân của công nhân, nhân dân ... bao gồm các yếu tố:

+Đảng cộng sản.

+Nhà nước: của dân, do dân, và dân, quản lý mọi mặt.

+Các tổ chức chính trị xh: là cơ sở chính trị của nhân dân.

2. Phân tích:

-Đảng cộng sản:

+Hiện nay, Đảng cộng sản đã nhận thức lại vai trò của mình, nhìn ra những tồn tại do đó đề ra những nghĩa vụ nâng cao, đổi mới, tăng cường khả năng lãnh đạo của Đảng nhân tố quyết định thắng lợi vậy Đảng cộng sản là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xh.

-Nhà nước:

+Ngày càng được tăng cường một số trong điều hành đất nước hiện thực hoá chủ trương, đường lối của Đảng.

+Quyền lực nhà nước là không phân chia dẫn đến tập chung. Bản chất quyền lực nhà nước nói chung là quyền lực thuộc về nhân dân.

+Nhà nước cải cách bộ máy nhà nước nhằm nâng vốn hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước, thực hiện nhà nước của dân, do dân, vì dân, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN.

-Các tổ chức chính trị xh:

+Ngày càng đóng vai trò quan trọng. Tham gia vào quản lý bộ máy nhà nước, bảo đảm lợi ích của nhân dân

+Là cơ sở của chủ quyền nhà nước, là tiền đề để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình.

-QCND: nhân dân làm chủ. Điều này thể hiện ở:

+Mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng phản ánh nhu cầu và lợi ích của nhân dân.

+Toàn bộ hình SX vật chất pháp luật là sự thể chế hoá quyền làm chủ của nhân dân.

+Nhà nước, các tổ chức chính trị xh là những tổ chức mà qua đó nhân dân thực hiện quyền làm chủ.

+Thực hiện dân chủ trực tiếp – gián tiếp.

Câu 15: Phân tích vai trò của quần chúng nhân dân trong cơ chế thực thi quyền lực chính trị trong xh hiện đại.

Quần chúng nhân dân có vai trò rất quan trọng trong cơ chế thực thi quyền lực chính trị trong xh hiện đại. Vì:

-QCND vừa tham gia vào qui trình SX vật chất, vừa tham gia vào qui trình điều tra xh. Qui trình SX vật chất chiếm vị trí quan trọng hàng đầu trong việc thực thi qui trình chính trị, nó là cơ sở, nền tảng cho việc hình thành quyền lực chính trị do:

+SX vật chất phát triển, làm cho phân hoá giai cấp ngày càng mạnh mẽ dẫn đến một giai cấp đứng lên hình thành quyền lực chính trị để trấn áp giai cấp phong kiến và thực hiện lợi ích của giai cấp mình.

+QCND tham gia vào qui trình sx vật chất làm cho của cải trong xh ngày càng nhiều dẫn đến phân hoá giai cấp mạnh mẽ và làm cho bùng nổ điều chỉnh xh và cũng chính QCND tham gia vào quá trình điều chỉnh đó để thể hiện quyền làm chủ của mình.

-QCND là lực lượng đông đảo nhất trong xh. Cơ chế thực thi quyền lực chính trị bên cạnh để bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị thì phải bảo đảm cho lợi ích của toàn xh mà trong đó QCND chiếm đại đa số.

-Trong chế độ XHCN, nhân dân thực hiện quyền lực chính trị thông qua hệ thống Đảng, nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội hoặc cá nhân. Thông qua bầu cử, bầu đại diện vào cơ quan của nhà nước Đảng, tính chất CT-XH để thực hiện quyền lực chính trị, bảo vệ lợi ích của QCND.

-Mọi chính sách của nhà nước phải nhằm bảo vệ cho lợi ích của nhân dân.

Câu 16: Trình bày vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay theo nội dung cấu trúc và cơ chế thực hiện quyền lực chính trị.

Cấu trúc quyền lực nhà nước bao gồm các yếu tố của hệ thống chính trị:

-Đảng cầm quyền.

-Nhà nước.

-Tổ chức chính trị xã hội.

Vậy, vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay là:

1. Vì phải đổi mới hệ thống chính trị:

-Nếu nhìn nhận từ góc độ theo nội dung cấu trúc và cơ chế thực hiện QLCT, thì phải đổi mới thống chính trị vì:

+Trong thời kỳ quá độ tiến lên CNXH ở nước ta, toàn bộ QL thuộc về nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản VN. Mọi đường lối, chủ trương Đảng đều là kết quả phản ánh khái quát nhu cầu lợi ích chính đáng của nhân dân.

+Hiệu quả của việc thực hiện mastery(quyền lực) của nhân dân phụ thuộc vào các nhân tố cấu trúc nêu trên và mối quan hệ giữa chúng .

Vậy điểm ta khẳng định sự cần thiết phải đổi mới hệ thống chính trị. Do:

.Bên cạnh những thành tựu đã đạt được của các nhân tố trong hệ thống thì việc bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân còn tồn tại và thiếu sót (nguyên nhân chủ yếu).

.Bộ máy tổ chức của các nhân tố trong hệ thống rất chồng chéo.

.Chức năng của các nhân tố trong hệ thống không được phân định rõ ràng (mà phổ biến là sự lẫn lộn giữa Đảng và Nhà nước).

2. Nội dung đổi mới:

Cải cách và chỉnh đốn Đảng:

+Chú ý đến tiến hành trên thì trước hết phải củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng trên tiền đề đổi mới, dân chủ hoá bản thân tổ chức và hoạt động của Đảng. Đảng phải được kiện toàn đủ mạnh cả về phẩm chất lẫn năng lực để giữ vai trò lãnh đạo điều

tra toàn bộ xh. Đảng thực hiện vai trò này bằng việc đưa ra chủ trương chính trị đúng đắn, đường lối và định hướng ...

+Cần phân chia rõ ràng chức năng của Đảng và Nhà nước. Đảng ta tổ chức thể hiện lợi ích của toàn dân, lãnh đạo về mặt chính trị chứ không phải tổ chức nắm QLNN.

-Sự lãnh đạo chính trị của Đảng được thực hiện bằng:

+Tuyên trình, giai đoạn, thuyết phục để quần chúng thấy rõ tính đúng đắn trong các quyết định chính trị của mình từ đó quần chúng sẽ tự giác thực hiện.

+Sự titiên phong, gương mẫu của Đảng viên, tổ chức cơ sở Đảng.

+Kiểm tra gửi thiệu Đảng viên ưu tú vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng và nhà nước (thông qua bầu cử).

+Chỉ đạo chính quyền nhà nước đều cải cách nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu.

Vậy trong điều kiện đảng cầm quyền, mọi hoạt động của Đảng và tổ chức nằm trong khuôn khổ của pháp luật.

-Cải cách và đổi mới nhà nước CNXHCVN:

Đổi mới nhà nước được thực hiện trên định hướng XHCN. Nhà nước thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng thành cái QPPL để điều chỉnh hành vi của cá nhân, tính chất XH. Do vậy đổi mới là cần thiết.

+Xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, lấy cách mạng giai cấp CN-ND-TT làm nền tảng. Đẩy mạnh dân chủ hoá mọi mặt của đời sống X, tạo điều kiện cho nhân dân có điều kiện tham gia vào trong việc quản lý XH.

+Quản lý nhà nước là thống nhất, có sự phân I vào phối hợp giữa các chính quyền nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp-hiến pháp-tư pháp. Điều kiện khách quan để thống nhất ở đây là do toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản VN(từ đó hạn chế lạm quyền của một số chính quyền nhà nước).

+Thực hiện nguyên tắc tập trung DC trong tổ chức và hoạt động của nhà nước.

+Tăng cường pháp chế XHCN từng bước xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN trên cơ sở pháp luật là tối cao, mọi hoạt động của cá nhân , tổ chức phải tuân theo pháp luật.

+Tăng cường sức lao động của Đảng đối với nhà nước.

-Cải cách hệ thống các tính chất CT-XH.

+Để nâng cao quyền làm chủ nhân dân thì các đoàn thể phải được dân chủ hoá theo hướng: đa dạng hoá hơn nữa các hình thức tổ chức nhằm đáp ứng tính đa dạng và phức tạp trong cơ cấu XH dân cư.

+Đảng và nhà nước cùng bàn bạc, tham khảo ý kiến của MTTQ về những qui định, quyết định

+Tạo điều kiện cho hoạt động của các tổ chức.

Vậy chỉ khi nào dân mà trước hết là Nhân và nhân dân lao động thực sự làm chủ thể của mọi QL trong Xhdưới sự lãnh đạo của Đảng thì CNXH mới có cơ sở vững chắc tồn tại.

Câu 17:Đảng chính trị là gì? nêu những đặc trưng cơ bản của 1Đảng chính trị để phân biệt sự khác nhau giữa đảng chính trị với các tổ chức xh khác.

1.Khái niệm: đảng chính trị là 1 tổ chức chính trị liên kết những đại diện tiêu biểu nhất của 1 giai cấp hay tầng lớp xh, dựa trên 1 hệ tư tưởng hay quan điểm chính trị nhất định, thể hiện lợi ích của giai cấp hay tầng lớp xh ấy, hướng tới việc giành, giữ, sử dụng, quản lý nhà nước để đạt tới những mục tiêu, lý tưởng nhất định phản ánh lợi ích của giai cấp hay tầng lớp xh ấy.

2.Các đặc điểm phân biệt:

-Có hệ tư tưởng hay quan điểm tư tưởng nhất định:

+Hệ tư tưởng này phải được đảng viên thừa nhận và tuân thủ.

+Không có hệ tư tưởng thì không có nòng cốt thu hút lực lượng.

“Chỉ có đảng nào có có được 1 lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò tiên phong”.

Lênin toàn tập.

-Có mục đích chính trị là giành, giữ, sử dụng QLNN:

+ĐCT có mục đích, mục tiêu rất rõ ràng, điều này thể hiện trong cơ sở hình thành, bản chất của ĐCT là tổ chức đại diệncho lợi ích của một giai cấp, tầng lớp xh.

+ĐCT ra đời là 1 tất yếu lịch sử, là sản phẩm của cuộc đấu tranh giai cấp đến 1 trình độ đòi hỏi có sự ãnh đạo giai cấp, nhằm hướng sự nỗ lực chung của các giai cấp vào giành, sử dụng quyền lực.

+ĐCT mang tính giai cấp. Nó có sự khác biệt về cơ bản so với giai cấp (giai cấp là sản phẩm khách quan của sự phát triển xh, khi xh tồn tại tư hữu).

+ĐCT là sản phẩm chủ quan của con người, sản phẩm tạo ra từ ý muốn chủ quan nhằm đạt được mục đích chính trị đã đề ra. Muốn thực hiện được mục đích thì phải có công cụ, đó là QLNN (điểm khác).

-Được tổ chức theo những nguyên tắc nhất định, tức là có kết cấu tổ chức chặt chẽ và cương lĩnh chính trị.

-Có được sự ủng hộ của XH.

Câu 18: Trình bày vị trí, vai trò của ĐCT trong xh hiện đại. Liên hệ về vai trò của ĐCSVN.

1. Vị trí của ĐCT: là trung tâm lãnh đạo chính trị của HTCT vậy vị trí quan trọng các đảng phái chính trị tham gia vào: hình thành, tổ chức nhân sự, BMNN, định hướng đường lối chính sách.

2. Vai trò của ĐCT:

- Là bộ tham mưu hoạch định đường lối, dẫn dắt giai cấp trong quá trình giành, giữ, sử dụng QINN để thực hiện lợi ích giai cấp (định hướng, tổ chức lực lượng thực hiện ...).

- Trong xh hiện đại, ĐCT cầm quyền có 1 vai trò quan trọng. Đây là bộ phận vạch đường lối cho toàn bộ BMNN, nhân sự, cơ chế vận hành, ...

- Tổng hợp và thể hiện lợi ích giai cấp mà nó đại diện.

- Định hướng, truyền bá tư tưởng của giai cấp trong xh nhằm tìm kiếm sự ủng hộ của toàn xh.

Hệ tư tưởng: Đảng tập trung của đảng chính trị.

- Tổ chức giai cấp: 1 giai cấp không thể tự mình giành chính quyền, phải tạo ra tổ chức đầu não do đó mới tạo ra sức mạnh tổng hợp của cả giai cấp.

- Tham gia vào thực thi QLNN. Góp phần tạo ra 1 nhà nước phù hợp với hệ tư tưởng phù hợp với lợi ích của giai cấp vậy điểm không trực tiếp tham gia ql.

- Đào tạo đội ngũ đảng viên, giới thiệu họ cho các chính quyền nhà nước, các tổ chức chính trị – xh.

3. Liên hệ về vai trò của ĐCSVN.

- ĐCSVN là đảng cầm quyền. Hoạt động của đảng nằm trong phạm vi của pháp luật.

- ĐCSVN có vai trò lãnh đạo đơn vị tổ chức trong hệ thống chính trị.

+ Đảng là gồm những đảng viên tiên tiến được vũ trang, bởi thế giới quan và phương pháp luận KH của CN Mac- Lênin.

Vậy ĐCSVN là lực lượng có khái niệm nhất vạch ra những đường lối chính sách đó trên thực tế.

-Đảng đề ra đường lối chược, hoạch định các chính sách, mục tiêu của sự phát triển KT-CT-VH-XH.

-Đào tạo cán bộ có phẩm chất, năng lực để giới thiệu vào các tổ chức, vị trí quan trọng của nhà nước và các tổ chức xh thông qua bầu cử dân chủ.

-Tiến hành kiểm tra hoạt động của các cơ quan nhà nước, các tính chất chính trị xh trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của đảng. Thông qua công tác kiểm tra, đảng kịp thời phát hiện ra những thiếu sót trong chủ trương, thiếu sót của mình và những biện pháp khắc phục công tác chính trị của đảng phải được thực hiện theo những nguyên tắc tính chất đảng, trên cơ sở tôn trọng quyền hạn và chức năng QL của nhà nước, tính độc lập của các tính chất x.

-Các cán bộ Đảng viên gg' mautong thực hiện đường lối chính sách của đảng -Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo của mình điều tra các thiết chế của hệ thống bằng những phương pháp nhất định.

Câu 19 giống câu 28

Câu 20:trình bày những nội dung cơ bản để tăng cường sự lãnh đạo của đảng CSVN trong quá trình đổi mới hiện nay?

1.Thành I:Từ khi thành lập cho đến nay, điếm ta dành được 1 số thắng lợi;

-Đã lãnh đạo được nhân dân giành được những thành tựu trong I cuộc giải phóng, bảo vệ, xây dựng đất nước.

-ĐCSVNkhẳng định vai trò vị trí của mình. Phải tăng cường vai trò lãnh đạo của đảng từ đó đảm bảo Đảng cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo duy nhất, đảm bảo định hướng XHCN ... là một trong những vấn đề then chốt, xây dựng đảng, tăng cường vai trò lãnh đạo. Vậy là nhân tố then chốt, quyết định thắng lợi của cách mạng.

2.Tồn tại:

-Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống tệ quan liêu, tham nhũng ở 1 bộ phận đảng viên.

-Chưa có nhất trí cao về 1 số vấn đề.

-Tổ chức đảng ở các cấp chưa được chỉnh đốn thật sự vững mạnh.

-Đội ngũ cán bộ chưa theo kịp yêu cầu của thời kỳ đổi mới.

3.Nguyên tắc tăng cường, đổi mới:

-Đm sự lãnh đạo của đảng: nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo, nâng cao uy tín, tăng cường vai trò, hiệu lực của nhân dân, các đoàn thể nhân dân.

-Đổi mới phương pháp, cách thức lãnh đạo.

-Đảng là của giai cấp Nhân, phải nằm trong dân, không thoát ly dân.

-Đảng không phải là cơ quan quản lý nhà nước.

4.Nội dung:

-Định hướng:

+Làm cho đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tính chất ...

+Phải tăng trình độ như của toàn đảng, tổ chức đảng và mỗi đảng viên.

+Đội ngũ đảng viên phải trong sạch, vững mạnh (chính trị, tư tưởng...).

-Cụ thể:

+Tăng cường công tác gd, rèn luyện đạo đức cách mạng chống chủ nghĩa cá nhân.

+Phát huy DC, giữ vững kết luận kỷ cương, đổi mới phiên phức lao động.

+Đổi mới, tăng cường công tác cán b.

+Tăng cường mối quan hệ giữa đảng và dân. Đó là cơ sở XH vững chắc của đảng và nhà nước.

Vậy từ đó đổi mới có thể đưa ra đường lối đúng đắn, tránh sai lầm, khuyết điểm.

Câu 21: Phân tích làm rõ sự giống nhau và khác nhau giữa quyền lực của đảng chính trị và quyền lực nhà nước.

*Với ý nghĩa chung nhất, quyền lực là khả năng thực hiện ý trí của mình đến hoạt động hành vi của người khác (uy tín, sức mạnh, luật pháp).

-Quyền lực của đảng chính trị:

+Là 1 bộ phận của đảng chính trị.

+Là một dạng của quyền lực chính trị.

+Thể hiện khả năng của đảng trong cuộc đấu tranh để bảo vệ và thực hiện lợi ích giai cấp.

+Khả năng lôi cuốn quần chúng đi theo.

+Khả năng giành, giữ và sử dụng quyền lực.

-Quyền lực nhà nước:

- +Là một dạng của quyền lực chính trị.
- +Là quyền lực của giai cấp thống trị, sử dụng nhà nước như là 1 công cụ nhằm thực hiện sự thống trị của mình đối với toàn xã hội.
- +Là trung tâm của quyền lực chính trị
- *So sánh: tự làm
- Giống:
 - +Đều là 1 dạng biểu hiện của quyền lực chính trị.
 - +Đều thể hiện quyền lực của giai cấp cầm quyền, lãnh đạo xã hội, phục vụ lợi ích giai cấp.
- Khác:
 - +Quyền lực của đảng chính trị:
 - .Qua tuyên truyền, GD, thuyết phục qua hệ thống tổ chức đảng, qua đội ngũ đảng viên.
 - .Hướng tới việc giành giữ và sử dụng quyền lực nhà nước, tác động vào các thiết chế xã hội mà đảng nắm (nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội) để tạo lập niềm tin của quần chúng vào sự lãnh đạo của đảng.
 - +Quyền lực của nhà nước;
 - .Quyền lực nhà nước được thực hiện bằng cả một hệ thống thiết chế mang qui mô xã hội.
 - .Quyền lực nhà nước được thực hiện bằng nhiều biện pháp, phương tiện khác nhau, có khả năng vận dụng các công cụ, lực lượng, phương tiện của nhà nước để buộc các giai cấp, tầng lớp khác phải phục tùng ý chí của giai cấp thống trị.

Câu 22: Phân tích bản chất và cấu trúc của quyền lực nhà nước. Tại sao nói quyền lực nhà nước là yếu tố cơ bản của quyền lực chính trị.

*Bản chất và cấu trúc của quyền lực nhà nước:

-Bản chất:

+Bản chất giai cấp.

+Tính cưỡng quyền: Điều khiển toàn xã hội, giai cấp khác.

Một trong những điểm riêng của quyền lực chính trị là quyền lực chính trị của giai cấp cầm quyền được tổ chức thành nhà nước. Về bản chất quản lý nhà nước là

quyền lực của giai cấp thống trị, mang đầy đủ mọi đặc trưng của quyền lực chính trị.

-Cấu trúc:(không có cấu trúc quyền lực nhà nước chỉ có cấu trúc quản lý chính trị).

-Nhằm :

+Đảm bảo củng cố quyền lực của giai cấp cầm quyền trên tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội.

+Củng cố, duy trì, phát triển chế độ xã hội đương thời.

+Buộc tất cả các giai cấp, tầng lớp xã hội khác phải thực hiện các chủ trương chính trị, kinh tế, chính sách xã hội do nó đưa ra.

-Với giai cấp, tầng lớp xã hội không (chưa) cầm quyền nhằm: Giành những lợi ích kinh tế, lợi ích chính trị ngày càng cao trong xã hội. Đấu tranh để gây ảnh hưởng đối với nhà nước. Đấu tranh để giành lấy quyền lực nhà nước về tay mình (nếu yêu cầu quyền lực chính trị của giai cấp đối kháng với giai cấp cầm quyền).

*Nói quyền lực là yếu tố cơ bản của quyền lực chính trị vì:

-Nêu khái niệm:quyền lực chính trị và quyền lực nhà nước là quyền lực đơn duy nhất trong xã hội.

-Là 1 bộ phận quan trọng nhất của quyền lực chính trị. Sự thay đổi căn bản của quyền lực nhà nước bằng việc chuyển chính quyền nhà nước từ tay giai cấp khác sẽ trực tiếp dẫn tới sự thay đổi căn bản tính chất chế độ chính trị.

-Trong thời kỳ xã hội nào, quyền lực nhà nước bao giờ cũng chỉ là công cụ chuyên chính của 1 giai cấp.Đảm bảo sự thống trị về chính trị của giai cấp cầm quyền đối với các giai cấp, tầng lớp khác trong toàn xã hội.

-Bảo vệ và phát triển nền tảng kinh tế mà giai cấp cầm quyền là người đại diện cho quan hệ sản xuất chiếm địa vị thống trị trong xã hội đó. “ Chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế ” Lênin, sức mạnh kinh tế quyết định sức mạnh của quyền lực chính trị.

-Bảo đảm xác lập hệ tư tưởng của giai cấp cầm quyền. Xác lập vị trí chi phối của quan điểm chính trị thuộc giai cấp cầm quyền trong văn hoá, nếp sống và mọi lĩnh vực tinh thần của đời sống xã hội.

-Chống lại mọi lực lượng thù địch bên trong hay bên ngoài. Giữ vững quyền lực chính trị trong tay giai cấp cầm quyền.

Câu 23:Thế chế nhà nước là gì? Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành và biến đổi của thế chế nhà nước?

*Thể chế nhà nước: được xem xét từ 2 góc độ:

-Góc độ bản chất: thể chế nhà nước đề cập tới tính chất cai trị, điều hành của 1 nhà nước thông qua những phương pháp nhất định (ví dụ: thể chế DC).

-Góc độ cơ cấu: TC nhà nước được xem xét từ khía cạnh tổ chức bộ máy, định rõ các vị trí, thẩm quyền, chức năng của từng cơ quan trong bộ máy nhà nước.

Vậy TC nhà nước được xem xét là 1 cơ cấu, 1 hệ thống tổ chức các cơ quan trong bộ máy nhà nước của một quốc gia nhất định. Với những chế độ xh cụ thể (gắn bó với các yếu tố chính trị, xh, định ra những vấn đề thuộc khoa học tổ chức quản lý).

*Phân tích: (Giáo trình –129).

-1 hệ thống chính trị có:

+1 bộ máy nhà nước.

+1 thiết chế chính quyền.

Nhưng những chủ thể chính trị khác tham gia vào các yếu tố cấu thành rất phong phú và đa dạng, Có thể phân loại nhưng số lượng luôn trong đồng có các nhóm:

.Giữ sự phát triển của tổ chức, hoạt động nhà nước với đảng chính trị, với tổ chức chính trị-xh.

.Những tác động tới từng cơ cấu (Lập-Hành-Tư) trong TC nhà nước.

-(Theo thầy), yếu tố ảnh hưởng:

+Văn hoá truyền thống.

+Chính trị – kinh tế.

+Quan hệ chính trị- quốc tế

Câu24: Phân tích mục tiêu và cơ chế tác động của đảng chính trị đến thể chế nhà nước(cả đảng cầm quyền và đảng không cầm quyền).

*Mục tiêu tác động:

-Trong quá trình đấu tranh chính trị lâu dài giữa mục tiêu, cơ chế tác động của đảng chính trị với nhà nước, thực tiễn đã tạo ra những bài học có tính nguyên tắc.

-Sau đó được hợp pháp học bằng cơ chế tác động trên cơ sở các hiến pháp của mỗi quốc gia và các đạo luật ban hành.

-Sự phân hoá giai cấp trong xh phong kiến (phong kiến lớn hơn tư sản), từ sự phân lập (về mặt kỹ thuật) giữa các quyền (Lập-Hành-Tư) được thiết lập, thể hiện sự ổn định tương đối nhất một thiết chế DC.

Điều kiện:

-Xuất hiện các Đảng phái chính trị tư sản với các khuynh hướng đại diện cho các trào lưu khác nhau (giai cấp tư sản nông nghiệp-giai cấp tư sản công nghiệp).

-Ra đời 1 số điểm cộng sản và các điểm có xu hướng DC-XH

+Chi phối chính trường.

+Can thiệp tham gia vào việc tổ chức nhà nước.

-Mục tiêu (Đảng cầm quyền-đảng không cầm quyền).

*Cơ chế tác động.

-Thể hiện trong cơ quan:

+Lập pháp.

+Hành pháp.

+Tư pháp.

-Lập pháp:thể chế hoá thành hiến pháp , luật, cơ chế bầu cử. Biểu hiện:

+Ghi danh bầu cử, ứng cử theo mức độ và khả năng, đóng góp của ứng cử và cư tri cho nhà nước. (ví dụ: thuế).

+Sự xuất hiện của nhiều đảng khác nhau trong q ý thức hệ tác động vào nhà nước.

+Vai trò của Đảng chính trị còn liên quan đến địa vị của Đảng trong sinh hoạt nghị trường (Việc các Đảng khác nhau gây ảnh hưởng của mình trong quá trình quyết định các vấn đề luật pháp nhân sự, tài chính, những vấn đề đối nội, quan hệ quốc tế).

-Hành pháp: có 2 cách chủ yếu gây ảnh hưởng của các Đảng đối với cơ quan hành pháp:

+Khi một Đảng có vai trò nhất định trong Quốc hội thì chính Quốc hội đã “ chuyển ” sự tác động của đảng đối với chính phủ hoặc nội các (ở các nước có chế độ nghị viện).

+Thông qua qua quốc hội (hoặc thông qua bầu cử trực tiếp). Việc lựa chọn người đứng đầu cơ quan hành pháp, cơ quan tài chính, địa phương cũng chịu sự tác động của đảng phái.

.Có can thiệp của đảng vào cơ quan hành pháp do địa vị và tầm quan trọng của cơ quan này trong hành động điều hành chính sách quốc gia.

.Trong thực tiễn điều hành, hành pháp thường bị các sức ép từ nhiều phái, trong đó có phía từ lập pháp.

Nó làm theo mô hình Tam quyền phân lập, nhưng thực tế chỉ có 2.

- Tư pháp:

+ Là cơ quan thực hiện chức năng xét xử của các nhà nước.

+ Hoạt động xét xử của các toà án nhằm bảo đảm công lý, duy trì sự công bằng bình đẳng và trật tự xã hội.

+ Cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra gay gắt (tư sản mâu thuẫn địa chủ; tư sản mâu thuẫn vô sản). Từ đó sự ra đời của Đảng phái chính trị là tất yếu tương đương, sự phân quyền trong BMNN dẫn đến con đường, cách thức khác nhau để đảng chính trị can thiệp vào tổ chức và hoạt động của nhà nước, trong đó có hoạt động tư pháp.

(Thể hiện: + Quốc hội can thiệp vào xét xử.

+ Quốc hội có quyền ban hành luật, trong đó có luật tổ chức toà án, thậm chí toà chuyên biệt kết xử các lỗi của nhân viên hành pháp).

- Cơ cấu chính quyền địa phương:

- Các đảng chính trị đạt vị trí của chính quyền địa phương là một yếu tố gây ảnh hưởng quan trọng.

- Sự tác động của chính trị đến chính quyền địa phương thể hiện mục đích chính trị của đảng cao tính toàn diện, hết hống đối với hoạt động nhà nước.

+ Quốc gia tồn tại bởi các yếu tố đan xen giữa các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hoá. Những yếu tố đó lại trở thành các quan hệ đa dạng của địa phương trong một quốc gia.

+ Tính chất của lãnh thổ và các điểm kinh tế - xã hội trên khiến không 1 nhà nước nào chỉ có thể thực hiện bộ máy quản lý ở TW mà không chú ý các mạng lưới chính quyền ở các lãnh thổ.

+ Quá trình xây dựng, củng cố gắn liền với khoa học về tổ chức bộ máy chính quyền địa phương trong hệ thống cơ cấu nhà nước thống nhất.

Câu 25: Phân tích vai trò của Đảng cộng sản VN trong việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước CHXHCNVN trong giai đoạn hiện nay?

- Điều 4, Hiến pháp nước CHXHCNVN năm 1992 đã khẳng định vai trò của Đảng cộng sản VN trong giai đoạn hiện nay:

+ Đảng cộng sản VN, đội tiên phong của giai cấp công nhân VN.

+ Đại biểu trung thành quyền lực của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc.

- +Theo chủ nghĩa Mac-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
- +Là lực lượng lao động nhà nước và xh.
- +Mọi tổ chức của đảng hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp.
- Ngay từ khi ra đời, đảng thể hiện là đảng tiên phong, đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Biểu hiện:
 - +Là thành viên, yếu tố cấu thành nên hệ thống chính trị XHCN.
 - +Là lực lượng lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị.
 - +Là yếu tố bảo đảm bản chất xhcn của chế độ.
 - +Là yếu tố bảo đảm nhà nước thể hiện đúng bản chất của dân, do dân, vì dân.
 - +Là yếu tố bảo đảm cho sự thống nhất mạnh khối đại đoàn kết toàn dân.
- *Đánh giá (thành tựu) vai trò của đảng:
 - Giành nhiều thành tựu trong công cuộc giải phóng xây dựng đất nước:
 - +Lãnh đạo đất nước giành chính quyền.
 - +Lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng đất nước.
 - +Lãnh đạo nhân dân trong quá trình xây dựng CNXH.
 - Quá trình cách mạng VN là quá trình đảng cộng sản VN khẳng định vai trò lãnh đạo của mình lấy CN Mac-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam.

Câu 26: Phân tích mục tiêu và cơ chế tác động của các tổ chức chính trị xh, tổ chức xh đến thể chế nhà nước.

- *Tổ chức xh: (144).
- Khái niệm:
 - +Là 1 chủ thể hợp tác.
 - +Được tập hợp bởi những thành viên tron xh.
 - +Có cùng chi hướng, cùng mục tiêu hoạt động, 1 cộng đồng của giới ...
- Mục tiêu và cơ chế tác động:
 - +Các tổ chức xh là sự tập hợp tự giác đơn giản, thường xuyên của các cộng đồng người có nhu cầu (khái niệm có cùng chi hướng ...), can thiệp vào xh từ các khía cạnh khác nhau của sự hình thành và vận hành thể chế nhà nước. Sự can thiệp có thể làm ảnh hưởng hoặc tích cực hoặc tiêu cực đối với nhà nước.

+Sự can thiệp của các tổ chức xh thường có tính cục bộ (tác động đến nhà nước, từ 1 mục tiêu của 1 nhóm cộng đồng nhất định, không thay mặt heo toàn xh). Sự can thiệp có thể chỉ nhằm thoả mãn 1 nhu cầu nào đó như 1 sức ép để nhà nước có thể (hoặc không) điều chỉnh chính sách có lợi cho họ.

+Khi tổ chức xh can thiệp nhà nước đến mức có thể là 1 trong những đại diện chính trị trong thể chế từ đó có khuynh hướng trở thành 1 điểm chính trị (không phải mọi tổng hợp).

+Các tổ chức xh có sự xâm nhập lẫn nhau trong ảnh hưởng của chúng đối với nhà nước. Có thể là tp của 1 tổ chức khác có đại diện rộng lớn.

+Theo quá trình phát triển của các tổ chức xh: có khả năng, qui mô, nhu cầu tác động khác nhau. Từ việc tham gia vào hoạt động của hệ thống chính trị (như là 1 cơ cấu hay ngoài cơ cấu) phụ thuộc vào vị trí chính trị – xh của mỗi tổ chức.

*Tổ chức chính trị – xh (không có trong sách giáo khoa).

Phản ánh ý trí nguyện vọng của nhân dân hướng tới quyền lực chính trị nhưng không giành lấy quyền lực đó (khi giành được thì sẽ trở thành 1 đảng - đảng cầm quyền).

-Vây đại diện cho những cộng đồng khác nhau là tổ chức xh thể hiện là khách thể trong chính sách cai trị bởi nhà nước.

-Các tổ chức thường xuyên có những tác động đa chiều tới nhà nước, ở mức độ, phạm vi, trình độ khác nhau.

-Sự phát triển của kinh tế, khoa học kỹ thuật – cn, xh dân chủ. Từ đó độ phân công lao động xh ngày càng sâu dẫn đến các nhóm và các cộng đồng ngày càng có khuynh hướng vừa tích tụ, vừa phân nhỏ.

Câu 27: Bằng kiến thức đã học, hãy phân tích quan điểm: “ Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân”. (văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Nxb. Chính trị quốc gia – Hà Nội – 2001, trang 131).

Câu 29: Quyết sách chính trị là gì? Phân tích sự khác nhau giữa quyết sách chính trị với những quyết định chính trị thông thường.

*Quyết sách chính trị: là 1 phạm trù của chính trị học, dùng để chỉ những quyết định chính trị có khả năng định hướng cho hoạt động của nhiều chủ thể (điều trình hành vi chính trị), có khả năng dẫn dắt và làm tiền đề cho các hoạt động CT-KT-XH của 1 đất nước, dự báo khuynh hướng tăng xh.

*Sự khác nhau:

#Quyết định chính trị:

-Là 1 dạng của quyết sách chính trị nhưng phạm vi điều chỉnh lớn, không gian rộng, vậy quyết định chính trị là quyết định tổng hợp trong đời sống chính trị, là sự lựa chọn có chủ đích của các chủ thể chính trị, 1 trong 2 hoặc nhiều khả năng có thể có hoạt động chính trị.

-Có thể do cá nhân đưa ra.

-Là thực thi quyết sách.

-Mang tính định lượng, nhằm vào mục tiêu cụ thể.

-Quyết định chính trị coa nhiều hình thức, ở nhiều cấp độ khác nhau (là sự cụ thể hoá quyết sách chính trị thành từng phần nhỏ hơn để thực thi).

#Quyết sách chính trị:

-Là 1 loại quyết định có tính định hướng, quan trọng phổ quát bao trùm (định nghĩa).....

-Nhất quyết do tập thể đưa ra (Đảng chính trị).

-Là định hướng chiến lược.

-Mang tính định hướng.

-Để quyết sách chính trị đi vào đời sống, phải phân nhỏ ra thành các quyết định cụ thể.

Câu 30:Phân tích mối quan hệ giữa quyết sách chính trị với quyết định chính trị và thực tiễn chính trị. (TTCT)

(Sơ đồ).

QSCT

(Đảng CT)

Các QSCT cụ thể

(chủ thể CT #)

Hđ CT thực tiễn

+Thông qua các quyết định chính trị, quyết sách chính trị được “ Vật chất hoá ” trong hoạt động trong hành vi của các chủ thể, quần chúng trong sinh hoạt chính trị –xh.

+Mối quan hệ và sự phân chia giữa những hình thức của hoạt động chính trị chỉ là tương đối (do bản chất, chức năng chính trị của từng chủ thể).

#Biểu hiện:

1.+Việc hình thành, xây dựng, đưa ra các quyết sách chính trị là chính năng hàng đầu của đảng chính trị.

+Phân biệt đảng chính trị với các chủ thể khác của quyền lực chính trị.

2.+Đánh giá tính đúng đắn của quyết sách chính trị, cần tổ chức vận động, tuyên truyền, giai đoạn làm cho sự đồng tình xh cao.

+Cần có hoạt động kiểm tra, đánh giá, tự đánh giá, tổng kết thực tiễn.

3.+Các đảng, đảng viên của đảng phải tham gia tích cực vào các hình thức hoạt động chính trị khác.

+Với tư cách của chủ thể chính trị nối kết hợp với ý thức chính trị của đảng.

4.+Trong hoạt động thực tiễn, đảng cũng thường đưa ra các quyết định chính trị, thể hiện:

-Chấp nhận hay không chấp nhận chính sách.

.Chấp nhận: bản dự thảo là quyết sách chính trị.

.Biểu quyết của đảng không những là quy trình hình thành quyết sách chính trị mà còn là 1 quyết định chính trị.

-Hoạt động của cá đơn vị cơ sở của đảng không tạo ra quyết sách chính trị, liên quan đến các hoạt động cụ thể nhưng không phải là quyết sách chính trị.

5.+Có những quyết định chính trị do khả năng, mức độ, quy mô, hiệu quả điều chỉnh của nó mà có tính chất như 1 quyết sách.

+Nhưng không phải là quyết sách chính trị mà là cụ thể hoá quyết sách chính trị của đảng cầm quyền.

6.+Sự tham gia của quần chúng vào đời sống chính trị là 1 hành động có tính nhiều mặt “ Quần chúng và các hoạt động chính trị, KT, XH của họ là yếu tố nguồn gốc, phát sinh các quyết sách chính trị, những nguyện vọng, sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của đảng ”.

+Tham gia vào các sinh hoạt chính trị từ đó tổng hợp những quyền và lợi ích hợp pháp.

7.+Thực tiễn chính trị là kết quả tổng hợp hoạt động chính trị của các chủ thể, là kết quả cuối cùng của việc thực thi quyết định chính trị, biểu hiện quyết sách chính trị.

+Kết quả của việc tổng hợp quyết sách là tổng hợp những kết quả của việc tổng hợp các nhiệm vụ đề ra trong các quyết định chính trị.

+Để hình thành quyết sách chính trị trước hết phải xuất phát từ thực tiễn.

+TTCT chỉ ra cho chúng ta 1 cách trực quan khả năng hiện thực cũng như xu hướng phát triển của các vấn đề cần giải quyết.

+Việc hình thành quyết sách phải dựa trên việc phân tích, đánh giá 1 cách khách quan và khoa học TTCT (đánh giá đúng, dự báo đúng từ đó dẫn đến quyết sách mới có tính khả thi).

Câu 31:Phân tích quan niệm chính trị vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật.

*Là khoa học:

-Chính trị là lĩnh vực phức tạp nhất của đời sống xã hội có giai cấp.

-Chính trị được coi là khoa học vì nó có khả năng dự báo hiện tượng sự kiện chính trị:

+Nó nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ những qui luật, tính qui luật chung nhất của lĩnh vực chính trị.

+cơ chế tác động, cơ chế sử dụng cùng những phương thức, thủ thuật chính trị phát triển.

-Chính trị phải được xây dựng trên cơ sở tri thức khoa học, trên cơ sở phân tích xã hội các qui luật khách quan. Để hiện thực hoá những qui luật, tính qui luật đó trong xã hội được tổ chức thành nhà nước.

Vậy cho biết đầy đủ về tình trạng, cảnh huống, tính chất của mọi sự hưng thịnh, các hình thức biểu hiện ra bên ngoài của một quốc gia, nền tảng quốc gia.

-Sự vận động của chính trị mang tính khách quan sự vận động của xã hội chính là quá trình tác động nhân quả giữa chính trị và kinh tế. Kinh tế là một hiện tượng khách quan. Chính trị là sản phẩm của kinh tế vậy chính trị mang tính khách quan. Sự vận động, phát triển của kinh tế tất nhiên sẽ làm đảo lộn trật tự chính trị và dẫn tới sự biến đổi cách mạng từ đó nó mang tính khoa học.

*Là nghệ thuật:

-Trong hoạt động hàng ngày, việc giành, giữ và sử dụng quyền lực chính trị là một nhân thuật, nó thể hiện sự năng động sáng tạo mục đích kinh doanh xã hội.

-Thể hiện sự tinh tế, uyển chuyển, mềm dẻo nhưng lại triệt để, nhất quán trong phương hướng chính trị cơ bản của một quốc gia. (VN: độc lập dân tộc CNXH).

-Sử dụng nhiều phương tiện (nhân thuật hoạt động, nhân thuật ngoại giao ...), phương pháp thủ thuật hình thức tổ chức nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

Câu 32: Phân tích cơ sở hình thành và cơ cấu nội dung của quyết sách chính trị?

Quyết sách chính trị là:

+Sản phẩm của ý trí giai cấp (trước tiên là ý trí của đảng) do đó phản ánh khuynh hướng phát triển của xh.

+Là ý trí chủ quan của giai cấp do đó phản ánh qui luật khách quan của xh.

*Cơ sở hình thành: quyết sách chính trị cần 2 tiền đề:

-Cơ sở khách quan:

+ là những tồn tại vật chất cụ thể nằm ngoài yếu tố chủ quan của chủ thể ban hành quyết sách.

+ Những căn cứ khách quan này phản ánh các qui luật khách quan và phải gắn bó thiết thực tới nội dung của quyết sách.

Bao gồm các yếu tố:

#Tri thức của nhân loại, thời đại:

+Được hiểu là những gì con người khám phá và đặt được trong quá trình phát triển của mình.

+Biểu hiện trong các phát minh khoa học (khoa học tự nhiên và khoa học xh); các tư tưởng vĩ được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác trong quá trình phát triển.

+Việc vận dụng các tri thức này vào thực tiễn chính trị nhiều khi phụ thuộc vào ý trí của chủ thể chính trị (đảng cầm quyền).

+Những tri thức làm căn cứ trên đề ra quyết sách.

.Học thuyết chính trị-xh, hệ tư tưởng mà đảng ra quyết sách theo đuổi (có nghĩa là: đảng tuân thủ học thuyết chính trị nào?).

.Các tri thức khác mà nhân loại đã tạo ra, được áp dụng và kiểm nghiệm.

#Những bài học kinh nghiệm thực tiễn trong nước và quốc tế:

+Kinh nghiệm thực tiễn được hiểu là những mô hình, giải pháp chính trị, những thành tựu cụ thể và có nhiều đảng tương đồng với vấn đề mà quyết sách đề cập.

+Mọi quan hệ bất kỳ trong thế giới ngày nay đều có tính liên hệ, đan xen, ảnh hưởng, thâm nhập vào nhau.

+Từ tất cả những thành công, thất bại trong nước và quốc tế để rút ra những bài học kinh nghiệm của mỗi nước, giúp khách hàng lặp lại sai lầm và phát huy những thành tựu đạt được, không chỉ học trong nước mà trên trường quốc tế.

#Những căn cứ tiềm năng vật chất:

+Sức mạnh vật chất chỉ có thể bị đánh bại bởi sức mạnh vật chất vì vậy muốn biến đổi hiện thực phải có những tiềm năng vật chất cần thiết.

+Nhân lực, vật lực mà bất kỳ quyết sách nào cũng phải có khi kinh doanh các quyết sách chính trị cần phải tính đến tất cả các tiềm năng vật chất của quốc gia.

#Những yếu tố khách quan nội tại:

+Là tất cả những yếu tố mang tính chất khách quan nội tại của một quốc gia đặt trong mối quan hệ tương tác với thế giới.

+Tính chất nội tại của các yếu tố là sự hiện diện của chúng trong phạm vi không gian, lãnh thổ nằm trong chủ quyền của quốc gia.

Ví dụ: Yếu tố tự nhiên, truyền thống văn hoá, yếu tố xã hội: dân cư, tôn giáo, dân tộc, môi trường chính trị ...

+Phải xem xét yếu tố một cách bao quát, tổng thể, toàn diện, thấy rõ các yếu tố đa dạng và phức tạp, thuận lợi và khó khăn để có được những quyết sách chính trị đúng đắn tích cực.

-Cơ sở chủ quan: là tổng hợp các yếu tố của bản thân đảng chính trị (chủ thể hoạch định các quyết sách chính trị).

Biểu hiện:

+Bề dày hoạt động của đảng với những thử thách tạo nên bản lĩnh chính trị của một đảng.

.Việc kiên định đường lối đã lựa chọn để xây dựng niềm tin trên cơ sở khoa học đã giúp cho đảng không dao động trong khuynh hướng chính trị của mình (VN: “ CN Mac-Lênin tư tưởng tính cách mạng ”).

.Thể hiện năng lực ra quyết định, năng lực điều hành lãnh đạo của đảng

+Trí tuệ tập thể của toàn đảng và năng lực thực tiễn của mỗi đảng viên. Năng lực hoạt động chính trị của các nhà hoạt động chính trị vậy đây là hai mặt thống nhất tạo nên sức mạnh chính trị của đảng một đảng có trí tuệ là đã tập hợp được trí tuệ và mọi đảng viên.

+Sự nhạy bén về chính trị và sự ủng hộ của quần chúng với đảng chính trị.

*Cơ cấu nội dung:

quyết sách chính trị là sản phẩm của đảng chính trị. Nội dung của nó luôn luôn phản ánh lợi ích của giai cấp mà đảng đó đại diện.

-căn cứ khách quan để xác định cơ cấu nội dung của quyết sách chính trị là những đối tượng, phạm vi lĩnh vực xh mà quyết sách đó điều chỉnh:

+Quyết sách điều chỉnh tổng thể, bao quát toàn bộ đời sống chính trị xh.

Ví dụ:cương lĩnh của đảng ...

+quyết sách điều chỉnh từng lĩnh vực cụ thể theo hướng chuyên môn.

Ví dụ:

.Xác định đặc trưng thể chế chính trị của chủ đạo của xh (trong một nhà nước).

.Các chính sách phát triển kinh tế.

.Các chính sách phát triển đời sống văn hoá, xây dựng đảng ...

.Các chính sách về xh về quan hệ đối ngoại ...

-Cấu trúc:

+Nêu và đánh giá đặc điểm tình hình hiện tại.

+Xác định các mục tiêu định hướng chính trị.

+Đề ra các phương hướng cơ bản để thực thi mục tiêu.

-Hình thức vật chất của quyết sách chính trị: Nội dung của quyết sách chính trị có thể ở dạng quyết sách khác nhau, thông thường được vật chất hoá trong cương lĩnh của đảng, văn bản pháp luật, Hiến pháp, nghị quyết của đảng, trong các ấn phẩm chính trị, sách báo chính trị khác ... cụ thể:

+Trong cương lĩnh chính trị:

.Nội dung mang tính định hướng, khái quát.

.Vì cương lĩnh chính trị như là một tuyên ngôn chính trị chiến lược, xác định mục tiêu, động lực, nghĩa vụ cụ thể của một đảng trong một giai đoạn.

+Trong hiến pháp:

Hiến pháp :

.Là một hình thức của văn bản pháp lý có giá trị như một đạo luật cơ bản.

.Là các qui định pháp lý chung nhất dưới dạng các qui phạm pháp luật.

.Chịu sự tác động của đngr chính trị, phản ánh nội dung của quyết sách chính trị, của đảng cầm quyền.

+Trong các nghị quyết của đảng:

.Là “ tiêu cương lĩnh ”, là sự cụ thể hoá các nội dung được hình thành trong cương lĩnh.

.Là biểu hiện quan trọng, đặc trưng cơ bản của quyết sách chính trị.

.Nghị quyết có nhiều cấp độ khác nhau như: toàn cục và chuyên đề.

+Trong các hình thức vật chất (tài liệu, sách báo chính trị, ấn phẩm khác) có vai trò to lớn trong việc lý giải, trình bày một cách khoa học, hệ thống những tư tưởng, quan điểm của đảng trong quyết sách chính trị

Câu 33: Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa chính trị và kinh tế?

*Khái niệm: chính trị là mối quan hệ giữa các giai cấp, dân tộc nhà nước của vấn đề giành giữ và sử dụng quyền lực nhà nước, là phương hướng, mục tiêu xuất phát từ lợi ích của giai cấp, đảng phái, bao hàm các hoạt động thực tiễn của các giai cấp, đảng phái của nhà nước để thực hiện, đường lối đã lựa chọn nhằm đạt được mục tiêu đặt ra.

*khái niệm kinh tế:

-Khi trở thành phạm trù khoa học, kinh tế được hiểu là tổng hợp những hoạt động có tính cộng đồng trong xã hội và tiêu thụ những sản phẩm của sản xuất.

-Là tổng thể những hoạt động của con người nhằm thoả mãn những nhu cầu vật chất.

-Tạo thành các quan hệ sản xuất khác nhau trong các chế độ xã hội khác nhau.

-Tạo thành nền kinh tế quốc dân của một quốc gia với tổng thể các học thuyết chính sách, cơ chế hình thành trong sản xuất xã hội.

-Kinh tế là lĩnh vực cơ bản nhất, ra đời sớm nhất và tồn tại mãi mãi với xã hội.

*Mối quan hệ: Chính trị và kinh tế là hai lĩnh vực hoạt động cơ bản của con người.
Biểu hiện:

-Kinh tế làm nảy sinh chính trị, quan hệ kinh tế tạo ra quan hệ chính trị:

+Quan hệ giữa chính trị và kinh tế xét trên bình diện phát sinh, hình thành là quan hệ giữa cái có hạn (chính trị) và cái vô hạn (kinh tế).

+Kinh tế làm nảy sinh chính trị với tính cách là một chế độ với những thể chế, phương tiện và công cụ để thoả mãn mục đích chính trị.

+Tiềm năng kinh tế của một quốc gia làm tiền đề cho uy tín

Trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay đặc điểm và Nhà nước ta chú trọng: tiến hành đổi mới mạnh mẽ về kinh tế kết hợp với sự đổi mới từng bước vững chắc HTCT -> chủ trương đúng đắn được hình thành tự sự phân tích khách quan, sâu sắc các điều kiện kt - xã hội nước ta và kinh doanh tiến bộ trên thế giới.

- Giá trị, chuẩn mực CT.

- Là trước được và chiều hướng phát triển tình hình chuẩn bị mọi điều kiện để chấp thời cơ, chủ động giành thắng lợi.

- Là chức năng quan trọng 's VHCT biểu hiện năng lực lãnh đạo công tác, định hướng các QSCT.

+ Chức năng nhận thức.

- VHCT giữ vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động công tác nhận thức về đời sống công tác 's đổi mới cá nhân của toàn xã hội.

+ Chức năng GD:

- Môi trường VHCT có tác động giáo dục, có tác động đến đời sống con người tạo ra nhân cách chính trị để đi theo những định hướng đúng đắn.

Giáo dục về thế giới quan nhân sinh quan.

+ Chức năng định hướng và điều chỉnh.

Định hướng con người đi theo 1 khuôn mẫu đúng những gì không phù hợp với định hướng - loại bỏ - điều chỉnh lại.

Tiêu chí này được coi là hệ tư tưởng. (Nếu hệ tư tưởng mang tính đúng đắn. khoa học - cá nhân và xã hội sẽ có định hướng và mục tiêu niềm tin chính trị vững vàng)

Mỗi nhân tố (bộ phận) 's cấu trúc, mỗi giá trị 's hệ thống giá trị có cũng cụ thể, có mối quan hệ hữu cơ, tác động qua lại sự ảnh hưởng lẫn nhau.

- Trong xã hội giáo dục, văn hoá mang tính giáo dục rõ nét, biểu hiện 's nó là VHCT.

- VHCT là 1 phạm trù nghiên cứu đồng thời là 1 lĩnh vực nghiên cứu của công tác học. Văn hoá chính trị tổng hợp hình thành từ 2 khái niệm đơn lẻ: văn hoá - chính trị.

- Văn hoá chính trị 1 bộ phận 's văn hoá chung gắn liền với sự phát triển 's văn hoá chung.

- Trong xã hội gk, tư tưởng chính trị bao giờ cũng là tư tưởng 's gk thống trị, phản ánh sự thống trị 's gk - xã hội mang tính gk nhưng đồng thời cũng mang tính xã hội.

- VHCT là 1 bộ phận 's Văn hoá trong xã hội có gk được con người tạo ra, tiếp nhận, lựa chọn gồm những định hướng's các cá nhân, nhóm xã hội trong đời sống chính trị 's xã hội và có ảnh hưởng tới hoi CT 's cá nhân or nhóm xã hội đó được họ biến thành nhu cầu, vũ khí, phương tiện trong hoạt động chính trị của mình VHCT thể hiện tri thức, năng lực sáng tạo trong HDCT SXH .

Câu 38: Khái niệm chính trị quốc tế là gì?, Phân tích làm rõ sự giống nhau và khác nhau giữa chính trị quốc tế và chính trị bên trong mỗi quốc gia .

Nghiên cứu CTQT liên quan đến một số vấn đề cơ bản:

Câu 43: Phân tích ảnh hưởng của yếu tố dân số vị thế của một quốc gia trong quan hệ quốc tế. Liên hệ với Việt Nam

Câu 44: Phân tích ảnh hưởng của yếu tố chính trị -xã hội trong quốc gia tới vị thế của quốc gia trong quan hệ CTQT; liên hệ Việt Nam ?

* Ổn định:

Xã hội: Cơ cấu dân cư phù hợp, trình độ dân trí cao văn hoá, tư tưởng tôn giáo, dân tộc, ổn định, không có sự bất đồng, không mâu thuẫn.

CT : Cơ cấu chính trị ổn định, các dạng dân trí cao, bộ máy chóng vỡ lòng tin của nhân dân vào chính quyền, đảng cầm quyền chắc. đường lối, chính sách 's Nhà nước phù hợp,. không mâu thuẫn với nhân dân.

-> Thuận lợi:

+ Quan hệ CTQT với các quốc gia khác các khu vực các tổ chức quốc tế. Hợp tác liên doanh với nước ngoài, thu hút vốn đầu tư ->ptkt, nâng cao đời sống người dân.

+ Hội nhập quốc tế tham gia các tổ chức quốc tế vì mục tiêu chung hoà bình phát triển cơ sở độc lập chủ trương, toàn vẹn lãnh thổ.

Yếu tố công tác xã hội ổn định sẽ là thuận lợi lớn cho các quốc gia nâng cao vị thế sức mạnh quan hệ quốc tế.

* Không ổn định.

- Xã hội : ở dân cư, trình độ dân trí thấp, văn hoá, tư tưởng nghèo nàn. Mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo gay gắt.

Chính trị: Tính ổn định's CT bị phá vỡ, chính phủ không kiểm soát được tình hình xung đột dân tộc . Cơ cấu chính trị, các đảng không có sự thống nhất.

-> Khó khăn.

+ Quan hệ quốc tế sẽ ông thiết lập được quan hệ với các nước khác không tham gia vào các tổ chức để khu vực.

+ Hợp tác liên doanh về kinh tế khi đó, giải quyết khó có thể nâng cao được vị thế sức mạnh quan hệ CTQT.

b. Liên hệ Việt Nam

Yếu tố chính trị - xã hội ở Việt Nam được coi là ổn định, tạo cho Việt Nam nhiều thuận lợi C.) quan hệ CTQT, từ đó vị thế trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao.

Cụ thể:

- Xã hội: Cơ cấu dân cư ổn định tuy nhiên cần giảm tỷ lệ phát triển dân số trình độ dân trí ngày càng cao.

Tư tưởng - văn hoá: + Chủ nghĩa Mác Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động 's Đảng, Nhà nước + Nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Dân tộc: 54 dân tộc cùng chung sống phát triển bình đẳng đoàn kết tương trợ lẫn nhau.

Tôn giáo: ổn định: Tự do tín ngưỡng theo khuôn khổ pháp luật.

- Chính trị: Cơ cấu chính trị, dưới sự lao động của Đảng cộng sản Việt Nam - đảng cầm quyền duy nhất của giai cấp công nhân vì lợi ích toàn dân tộc đang phát triển từng bước vững chắc, ổn định đường lối chính sách C.) giai đoạn đổi mới, luôn luôn phù hợp với quyền lợi, nguyện vọng 's nhân dân.

-> tạo cho Nhà nước những thuận lợi trong quan hệ hợp tác kinh tế mở rộng quan hệ, hội nhập với các tổ chức trong lĩnh vực & quốc tế.

a. Chủ quyền quốc gia.

- Là 1 khái niệm chính trị để chỉ: Cơ quan quốc gia, quyền độc lập tự quyết, bình đẳng .

b. Nội dung cơ bản:

1 Chủ thể của Cơ quan quốc gia: Cộng đồng dân cư là chủ thể cao, Nhà nước là đại diện cao nhất cho nội dung thực hiện cơ quan quốc gia : đối nội; đối ngoại

2. Cơ quan quốc gia về đối nội:

- Trước hết: Cơ quan quốc gia với yếu tố cấu thành quốc gia; lãnh thổ, dân cư, chính quyền: lãnh thổ: quốc gia có quyền khai thác, q, sử dụng cho thuê bán BM chính quyền . Quốc gia thành lập tổ chức bộ máy Nhà nước, quyết định theo chế độ kinh tế - chính trị nào chọn người đứng đầu quốc gia.

3. Cơ quan quốc gia về đối ngoại;

- Toàn quyền trong quyết định cơ sở đối ngoại: + Tham gia or không vào quan hệ đối ngoại; Quyết định đường lối đối ngoại; Đặt quan hệ ngoại khác của nước khác. Công ?????????? 1 quốc gia khác.

4 Nguyên tắc pháp lý quốc tế thể hiện cơ quan quốc gia.

Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ 's các quốc gia bình đẳng về chủ quyền, khi tham gia cơ quan quốc tế: là phiếu giá trị bằng nhau trong các quốc tế tham gia giải quyết công việc liên quan - giải quyết mình tham gia xây dựng pháp luật quốc tế. Tôn trọng quyền dân tộc tự quyết 's các quốc gia. Không can thiệp vào việc nội bộ 's các quốc gia không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực hại tới cơ quan quốc gia khác.

KL: Cơ quan quốc gia là 1 thuộc tính chính trị quan trọng để xác định vị thế 's quốc gia. 1 Nhà nước trên trường quốc tế.

a. Những yếu tố cơ bản: Tự nhiên (câu 42, xã hội 43, 44, chính trị câu 44). Kỹ thuật khoa học công nghệ; chính sách đối ngoại và kết quả th h chính sách đối ngoại.

b. Phân tích.

1. Tự nhiên: Vị trí địa lý thuận lợi, tài nguyên khó khăn

2. Xã hội: Dân số, cơ cấu dự văn hoá thông tin . dân tộc tôn giáo.

3. Chính trị: Cơ cấu chính trị, môi trường ổn định or không ? Đường lối chính sách chính trị.

4. Kỹ thuật và công nghệ: Kỹ thuật, Công nghệ là 1 trong những yếu tố quan trọng hàng đầu trong thời đại ngày nay.

*Kỹ thuật: Là những yếu tố thuộc phương tiện tư liệu được con người tạo ra as là những sản phẩm 's con người là được áp dụng vào đời sống xã hội.

* Công nghệ: là tổng hợp các phương pháp trong sản xuất, chế tạo sản phẩm trên cơ sở 1 kỹ thuật, nhất định không làm mất đi nội dung kỹ thuật, mà làm phát triển tính năng, ưu điểm về hình dáng, chất lượng nguyên vật liệu và sản phẩm.

-> Kỹ thuật và công nghệ là 2 yếu tố không thể tách rời, kỹ thuật là tiền đề 's công nghệ. Nhà nước công nghệ làm tăng giá trị xã hội của kỹ thuật được phát minh.

ảnh hưởng 's yếu tố KT - CN .

sản xuất: ngân sách lao động tăng, chất lượng sản phẩm cao.

Chính trị: thay đổi các yếu tố trong cấu trúc dân số, người lưu chế tạo các loại vũ khí đe dọa được CTQT vũ khí sinh học, hạt nhân... Làm gia tăng ngân sách 's các quốc gia đầu tư cho quốc phòng thay đổi cán cân cây quân sự vốn đã mất c = từ lâu tạo

sự phát triển mạnh mẽ trong giao lưu kinh tế làm thay đổi, biến dạng các cơ sở chiến lược trong phòng thủ cũng như trong phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại.

Câu 47: Tổ chức quốc tế là gì ? Vai trò 's tổ chức quốc tế: đó chính trị 's các quốc gia, quan hệ CTQT.

a. Tổ chức quốc tế:

TCQT là 1 cấu trúc ổn định của các quan hệ QHQT đa phương được thành lập trên cơ sở những điều ước quốc tế có mục tiêu, quyền hạn có các quy định riêng về cấu trúc tổ chức khác như: cơ cấu tổ chức cơ chế, nguyên tắc hoạt động, tiêu chuẩn thành viên... do các thành viên 's tổ chức thoả thuận.

b. Vai trò: + Các tổ chức quốc tế có thể được xem như 1 công cụ chức năng của QHQT, có vai trò vô cùng quan trọng. Cụ thể góp phần duy trì nền hoà bình và củng cố an ninh cạnh tranh và hoà bình giữa các nước thành viên 's mới và ảnh hưởng đến các nước, tổ chức khác .

+Việc xử lý chủ yếu : phương pháp hoà bình, theo luật quốc tế

2. Phát triển các quan hệ hợp tác quốc tế đa phương, tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, tôn trọng chủ quyền lãnh thổ 's các quốc gia.

3. Là đầu mối hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, lãnh đạo... tăng cường hợp tác để thúc đẩy sự phát triển chúng . thế giới.

4. Bảo vệ quyền, chống phân biệt chủng tộc, nam nữ ngôn ngữ, tôn giáo...

KL: TCQT có vai trò vô cùng quan trọng trong quan hệ công tác quốc tế cũng như chính sách đô chính trị 's các quốc gia.

- Các quốc gia tham gia và tổ chức quốc tế định đề ra's TCQT hội nhập, tận dụng sức mạnh - cùng???? nhiệm vụ, mục đích mở rộng QHQT hợp tác thời đại, lợi thế's TCQT bảo vệ được độc lập chủ quyền quốc gia phối hợp các quốc

- TCQT là đầu mối chung, phối hợp các quốc gia tín hiệu vai trò sức mạnh.

Câu 48: Trình bày các cách phân loại các TCQT ?

* Việc phân loại các TCQT dựa trên nhiều tiêu chí khác nhau có nhiều cách phân loại khác nhau. Có 4 cách phân loại theo các tiêu chí như sau:

(s) tiêu chí: Thành viên tham gia trong tổ chức phân loại quan trọng nhất chia ra 2 loại cơ bản.

(ít) (+ TCQT liên quốc gia: có các thành viên là các quốc gia các chính phủ của địa diện chính thức ;s họ.

(n) TCQT phi chính phủ: thành viên là các tổ chức phi chính phủ trong nội bộ quốc gia, các cá nhân...

Ngoài ra có 7 tổ chức với các thành viên mang tính chất hỗn hợp (quốc gia, tổ chức xã hội, tổ chức khu vực....)

2. Theo mức độ thường xuyên: TCQT thường xuyên - tạm thời

+ TCQT thường xuyên: lâu dài, thường xuyên cơ cấu tổ chức chặt chẽ, có trụ sở cơ sở đầu não và cơ quan thường trực giải quyết các việc.

+ TCQT tạm thời: Trong thời gian ngắn nhất định theo định kỳ hoặc vấn đề cán mại tập thành viên phần lớn là hội nghị, hội thảo quốc tế.

3. Theo chức năng hoạt động:

+ TCQT đa chức năng: giải quyết rất nhiều các vấn đề công tác, kinh tế, xã hội (hợp quốc, tích thống nhất châu phi OAE)

+ TCQT có chức năng chuyên môn hẹp giải quyết vấn đề mang tính chuyên biệt hạn chế.

Ví dụ: Unesicô, Faom, unicy (thuộc LHQ).

4. Theo địa lý (quy mô hoạt động theo không gian)

(ít) + TCQT toàn cầu: giải quyết vấn đề chung trong quan hệ quốc tế (LHQ)

(n) TCQT khu vực 1 bộ phận hữu cơ, không thể tách rời khỏi vấn đề toàn cầu.

Giải quyết vấn đề trong phạm vi khu vực, phù hợp mọi đặc điểm's từng khu vực.

Câu 49. Trình bày vị trí vai trò s LHQ đối với đời sống chính trị các quốc gia và quan hệ chính trị quốc tế.

LHQ là 1 TCQT liên chính phủ, liên quốc gia, 1 tổ chức thường xuyên, đa chức năng, có vị trí vai trò lớn vô cùng quan trọng đối với ĐSCT các quốc gia, quan hệ TCQT.

- Vị trí: LHQ là tổ chức quốc tế lớn nhất, 1 diễn đàn quốc tế quan trọng bao gồm những nước thành viên tham gia

- LHQ là: nội tâm phối hợp hành động của các quốc gia những tâm phối 's hoà bình hợp tác đa phương (Kinh tế, chính trị, xã hội, y tế, giáo dục...)

Vai trò: Duy trì hoà bình và an ninh quốc tế, cấm mọi hành vi xâm lược hoặc phá hoại hoà bình khác.

đch, giải quyết tranh chấp tình thế có tính chất quốc tế có thể phá hoại hoà bình.

Phương pháp hoà bình, theo đúng nguyên tắc 's công lý và pháp luật quốc tế phát triển quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia, dân tộc trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và tự quyết của các dân tộc.

Câu 50: Sự tham gia 's vn trong tổ chức LHQ Kết quả 's sự trong đó ?

a. Sự tham gia 's Việt Nam trong LHQ

- Trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc, Việt Nam đã có mối quan hệ với các tổ chức 'sLHQ như: tổ chức y tế, Quỹ nhi đồng tổ chức tài chính khí tượng thế giới.

- Khi giành được độc lập, ngay những năm đầu tiên nước Việt Nam dân chủ công hoà (nay là CHXHCNVN) đã gắn liền độc lập dân tộc sức mạnh với các nguyên tắc 's hướng chương LHQ.

+ T11- 1984: Việt Nam gửi đơn xin ra nhập IHQ lần đầu tiên nó bị pháp, Mỹ và thế giới thách phủ quyết

+ Tiếp theo là 3 lá đơn (T3/1949) và (T12/1951) cũng bị chính các nước này phản đối.

Đến 20 -9 1977 : Với nỗ lực, cố gắng không ngừng và nhờ tình hình thế giới biến đổi có lợi.

+ Việt Nam đã được chấp nhận và trở thành thành viên thứ 149 của LHQ.

- Khi trở thành thành viên chính thức 's LHQ.

+ Việt Nam được LHQ tăng cường giúp đỡ, trên những lĩnh vực khác nhau làm rõ những yếu tố trọng yếu cho sự phát triển đầu tiên vững chắc như Công nghiệp hoá, CHKT các vấn đề đời sống môi trường, tăng nguồn lực và vai trò 's giá trị chính sách sức khoẻ cộng đồng, y tế giáo dục .

+ Việt Nam không ngừng tăng cùng với xu hướng hội nhập, toàn cầu hoá, Việt Nam tích cực tham gia trong quan hệ quốc tế về những mặt, những lĩnh vực khác nhau dựa trên 1 chính sách đối ngoại đúng đắn theo nguyên tắc 's LHQ và luật pháp quốc tế vì hoà thuận độc lập dân tộc, cùng phát triển hợp tác.

b. Kết quả.

- Việt Nam đã khắc phục những hậu quả cạnh tranh, nền kinh tế lạc hậu nghèo nàn, đời sống nhân dân khó khăn.

- Việt Nam bước vào thời kỳ công nghiệp hoá - hiện đại hoá, tăng kinh tế thị trường, nền kinh tế những TP DH XHCN... xây dựng xã hội phát triển ổn định, mở

rộng quan hệ hợp tác mọi nước trên thế giới, tham gia vào các tổ chức quốc tế, khu vực và đạt được thành tựu đáng kể.

- Với sự hỗ trợ những mặt mạnh khi tham gia LHQ cũng as những đường lối chính sách đúng đắn ở Đảng, Việt Nam không ngừng lớn mạnh phát triển tạo lập được vị thế trên trường quốc tế, thiết lập mối quan hệ ngoại giao với nhiều nước (168) đóng vai trò tích cực trong tổ chức khu vực (ASEAN) cũng as trong tổ chức quốc tế LHQ Việt Nam đang trên đà phát triển, hợp tác hội nhập không ngừng trên nguyên tắc tự chủ, vì hoà bình, độc lập phát triển.

Câu 51: Trình bày mục tiêu thành lập 's tổ chức ASEAN hoạt động (hiệp hội Đông Nam á)

a. Mục tiêu thành lập.

ASEAN: là tổ chức quốc tế liên quốc gia mang tính khu vực bao gồm các nước thành viên trong khu vực đông Nam á thành lập ngày 08/08 1967 trên cơ sở của tuyên bố Băng Cốc (Thái lan)'s hội nghị ngoại trưởng 5 nước: 1 thành lập, Singapore, Mailayxia, Philippin Indônexia thiệnnay gồm 10 nước
??

Mục tiêu bao gồm những nội dung cơ bản (4 mục tiêu)

1. Xúc tiến tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội, phát triển văn hoá trong khu vực.
2. Xúc tiến hoà bình và ổn định khu vực trên tinh thần tổng quát cách mạng tuân thủ pháp luật trong quan hệ giữa các nước thành viên và hiến chương LHQ.
3. Hợp tác trong các loại giáo dục, nghề nghiệp kỹ thuật, chính.
4. Duy trì sự hợp tác chặt chẽ và cùng có lợi với các tổ chức quốc tế và lĩnh vực có cùng mục đó và QSEAN bổ sung thêm vấn đề: xây dựng khu vực Đông Nam á thành khu vực hoà bình tự do và độc lập không có sự can thiệp từ bên ngoài 'a các cường quốc váuc tiến những cố gắng cần thiết để bảo đảm sự công nhận và tôn trọng khu vực từ giá quốc tế.

b. Hoạt động 's tổ chức.

- Nguyên tắc hoạt động: + Tôn trọng độc lập, chủ quyền, tương đối và toàn vẹn lãnh thổ những bản sắc dân tộc 'a các quốc gia.

+ Không tạo ra sức ép áp đặc từ bên ngoài vào công việc nội bộ 'a các quốc gia thành viên.

+ Giải quyết bất đồng, tranh chấp bằng biện pháp hoà bình từ bỏ đe doạ và sử dụng vũ lực.

- Cơ cấu hoạt động:

+ Cơ quan lao động 's tổ chức: Hội nghị hàng năm 's các bộ trưởng ngoại giao các nước thành viên (kỳ họp ASEAN)

+ Cơ quan hoạt động : Ban thư ký tại (Giacacta) 1 uỷ ban ngành (thương mại, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, tài chính...)

- Hoạt động hợp tác: 's ASEAN ngày càng trở nên mạnh mẽ nhất látong việc thực hiện những dự án phát triển công nghiệp chung.

+ Kinh tế ASEAN trở lên 1 khu vực tăng năng động, mạnh mẽ nhất tham gia vào xu hướng toàn cầu hoá, quá trình mở rộng thương mại và trao đổi vốn trên tổ chức.

+ KHKT : tiếp thu và áp dụng những thành tựu 's KHKT tiên tiến hiện đại đưa 1 số nước phát triển vượt ra khỏi khuôn khổ các nước thứ 3, bước vào hàng ngũ các nước phát triển.

+ Chính trị: Đây là khu vực có diễn biến chính trị tương đối ổn định mặc dù có sự đấu tranh, hợp tác đan xen do tổ chức hoạt động theo nguyên tắc biến đổi, tồn đọng, độc lập chủ quan... Tôn trọng hiến chương LHQ.

-> ASEAN là 1 TCQT có vị trí, vai trò quan trọng trên trường quốc tế. Nó đang từng bước xây dựng Đông Nam AS trở thành khu vực hoà bình, thịnh vượng , tăng toàn diện mọi mặt

Câu 52: Phương thức ý nghĩa's việc Việt Nam gia nhập ASEAN Triển vọng phát triển 'a tổ chức này.

a. ý nghĩa:

* Việt Nam gia nhập ASEAN là 1 quyết định đúng đắn, kịp thời và mang những ý nghĩa to lớn.

- Đối với Việt Nam: + Nó đánh dấu vào quá trình hội nhập 's Việt Nam vào quan hệ quốc tế vừa phù hợp với xu hướng phát triển chung của thế giới, khu vực vừa phù hợp với yêu cầu 's trước mọi cơ sở đường lối đối ngoại 'a Đảng, Nhà nước ta.

+ Việt Nam đã thiết lập, nỗ lực nhằm thúc đẩy quan hệ ngoại giao và các nước trong khu vực, hợp tác phát triển trên nhiều mặt, nhiều lĩnh vực ; kinh tế, xã hội , xã hội...

+ Việt Nam không ngừng củng cố và nâng cao vị thế 's mình trong hiệp hội cũng as trên trường quốc tế.

- Đối với ASEAN: Việt Nam là thành viên thứ 7 của tổ chức A, đnhh đầu 1 bước phát triển mới 's tổ chức này. Đó là :các nước không cùng chếđộ chính trị trong khu vực.

+ Việt Nam đã cố gắng, nỗ lực và tích cực trong các hoạt động 's ASEAN: tổ chức này đã cử nước ta làm điều phối viên thay mặt ASEAN chủ trì và điều hoà hợp tác giữa ASEAN với Nga, Nuidulân và các nước quánaút viênPaopua, Nui Ginê.

b. Triển vọng ASEAN.

KT: Đây là tổ chức gồm những nức phát triển do đó hoạt động về kinh tế kế hoạt động trong việc thực hiện các dự án phát triển công nghiệp chúng -> nền kinh tế khu vực phát triển phồn vinh, năng động ổn định, vừa cạnh tranh, hợp tác 2 bên cùng có lợi tăng cường thu hút đầu tư, áp dụng KHKTCN cao trong sản xuất xoá đói giảm nghèo, khắc phục từ trong các nước yếu kém chưa phát triển.

Các nước thành viên được tạo điều kiện để mở rộng hơn nữa sự hợp tác về kinh tế, đầu tư, dịch vụ, với cơ chế ngày càng thông thoáng và gọn nhẹ để có thể nâng hoạt động 's ASEAN lên 1 tầm cao mới, có vị thế cao trên trường quốc tế.

Chính trị:

+ Xây dựng Đông Nam á thành 1 khu vực hoà Bình, không có vũ khí hạt nhân, sự định hợp tác cùng phát triển.

+ Đảm bảo sự ổn định chính trị của các thành viên trong tổ chức cũng như góp phần vào sự ổn định chính trị hoà bình chúng 's thế giới.

+ Giải quyết tranh chấp, xung đột bằng phương pháp hoà bình, trên nguyên tắc và luật quốc tế.

* Đối ngoại:

ASEAN đang không ngừng hướng ra ngoài thế giới có vai trò trung tâm trong các diễn đàn quốc tế khu vực và trên thế giới mở rộng quan hệ mọi cách tổ chức L² khác để có thể tạo lập được vị thế 's mình. Nâng cao ảnh hưởng đối với quan hệ chính trị quốc tế.

+ Hoạt động đối ngoại vì thế giới hoà bình, hợp tác độc lập cunghf phát triển, xây dựng khu vực Đông An á thành 1 khu vực phát triển mạnh mẽ, năng động trong tiến trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

Câu 53: Phát triển những thuận lợi và khó khăn 's Việt Nam trong hội nhập quốc tế hiện nay

Tham khảo thêm (II) chườn VII (giáo trình) trang 132.

a. Thuận lợi :

Chính trị: ổn định là môi trường tốt để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tập trung khai thác các lợi thế, các nguồn lực 's mình.

- Tiềm lực:

+ Tài nguyên thiên nhiên : đa dạng phương pháp - để phát triển công nghiệp cũng as nông nghiệp.

+ Con người: Có nguồn lực dồi dào, thị trường chính trị lớn giá nhana công rẻ

+ Vị trí địa lý: thuộc khu vực Đông Nam á, có bờ biển dài là cửa ngõ thông thoáng thương với người nhiều nước .

- thuận lợi trong hợp tác, buôn bán thuộc khu vực và thế giới.

Đường lối chính sách đúng đắn 'sđảng Nhà nước.

+ KT : tham gia vào HNQT, mở ra 2 yếu tố mới để phát triển kinh tế nền kinh tế thị trường nhiều thành phần định hướng XHCN dưới sự quản lý Nhà nước.

+ Đối ngoại: rộng mở, đa phương hoá quan hệ đối ngoại, giao lưu hợp tác.

Việt Nam có nhiều thuận lợi trong HNQT hội nhập để tiếp thu những thành tựu KHCN mới, kn về tổ chức quản lý 'a các nước tiên tiến, đi trước.

b. Khó khăn:

- KT : là 1 nước đang phát triển, kinh tế còn yếu kém, phát triển chưa vững chắc hiệu quả và sức mạnh cạnh tranh thấp.

+ Nhịp độ tăng trưởng kinh tế chậm, còn thấp, GDP, DPP.

+ Ngân sách lao động thấp, chất lượng sản phẩm chưa tốt , giá cao.

+ Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, phân tán, lãng phí thất thoát nhiều.

- Chưa thích ứng mọi trình độ chung 's thế giới.

- Văn hoá - xã hội còn nhiều vấn đề bức xúc và gay gắt chưa được giải quyết.

+ Tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm cao.

+ Chất lượng giáo dục đào tạo thấp chưa đạt yêu cầu

+ Môi trường ngày càng ô nhiễm nặng

+ Cơ sở vật chất 's ngành y tế còn thiếu thốn, lạc hậu

+ tệ nạn xã hội (ma tuý, mại dâm) lan rộng.

- Chính trị:

+ Việt Nam là 1 nước xã hội chủ nghĩa do đó khi tham gia vào hội nhập quốc tế phải chịu nhiều thách thức, khó khăn lớn do lực lượng thù địch đối lập không ngừng chống phá.

- Do đó giữ vững độ chính trị trong HNQT là 1 đòi hỏi quan trọng và vô cùng kh phức tạp.

- Chính sách - pháp luật.

+ Cơ sở không đồng bộ và chưa tạo động lực mạnh mẽ để chưa hoàn chỉnh thống nhất.

+ Pháp luật: Chưa hoàn chỉnh, phạm vi điều chỉnh chưa mở rộng sâu sát tới nhiều lĩnh vực 's đời sống xã hội.

- Nhân lực:

+ Đội ngũ công chức, cán bộ có trình độ còn thiếu, hạn chế.

KL: Phát huy thu lợi, khắc phục khó khăn để HNQT có hiệu quả là 1 yêu cầu đặt ra trên Việt Nam.

Câu 54: Toàn cầu hoá là gì? Phân biệt toàn cầu hoá và HNQT.

a. Toàn cầu hoá:

Là 1 hiện tượng khác quan, phản ánh quá trình phát triển mạnh mẽ các mối liên hệ sự ảnh hưởng, lao động, phụ thuộc lẫn nhau trong các lĩnh vực giữa các quốc gia, khu vực trên toàn thế giới.

b. Phân biệt:

+ HNQT là hoạt động có mđ' của các quốc gia nhằm mở rộng quan hệ quốc tế, tận dụng mạnh 's thời đại vào việc phát triển củng cố sức mạnh, vai trò 's quốc gia, dân tộc mình.

* Phân biệt:

+ TCH được tạo thành từ sự phối hợp 1 cách khác quan's nhiều yếu tố trong đó có 3 yếu tố nổi bật.

+ Cuộc CM KHCN đặc biệt là CM tin học

+ Sự phát triển của nền kinh tế thị trường tự do

+ Chính sách của các quốc gia lớn nhỏ khác nhau trên thế giới.

- HNQT lại là 1 hoạt động của quan 's các quốc gia, tham gia vào qt toàn cầu hoá.

+ Các quốc gia có thể chủ động trong việc lựa chọn các bước đi, chỗ đứng thích hợp trong gần toàn cầu hoá để phục vụ lợi ích 's mình

+ Mở cửa, tăng gia và các diễn đàn tổ chức quốc tế với mức độ hội nhập khác nhau, cấp độ hội nhập khác nhau (tiểu khu vực, khu vực thế giới).

+ HNQT là 1 nhu cầu bức thiết để phát triển của các quốc gia (có quyền đổi mới chính sách đóng cửa là cơ sở tự sát 's các quốc gia)

MUốn phát triển thì các quốc gia phải HNQT tham gia và toàn cầu hoá HNQT có sự khác biệt nhưng chúng quan hệ chặt chẽ toàn cầu hoá là con tàu chạy 1 chiều. Các quốc gia và hành khách. Mức không nhớ tàu thì các quốc gia phải khôn khéo chủ động việc HNQT của mình, tích cực tham gia vào toàn cầu hoá.

Câu 56: Trình bày những mục tiêu và nguyên tắc cơ bản trong chính sách hội nhập kinh tế quốc tế 's Đảng và Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a. Mục tiêu

Chủ động HNKTQT và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực nâng cao hưởng hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường.

Phát triển kinh tế, hoàn thành công cuộc Công nghiệp hoá hiện đại hoá củng cố và xây dựng nền tảng vật chất cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa.

b. Nguyên tắc:

Tôn trọng độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào lĩnh vực nội bộ của nhau không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực, bình đẳng cùng có lợi giải quyết các bất đồng và tranh chấp thương lượng hoà bình, phản đối mọi âm mưu hành động gây sức ép đặt ????? cường quyền.

Câu 57: Cơ sở đối ngoại là gì ? Sự tham gia của các chủ đề chính trị vào quá trình hình thành cơ sở đối ngoại của 1 quốc gia trong xã hội hiện tại?

a. Khái niệm

Cơ sở đối ngoại là 1 phạm trù 's chính trị quốc tế thể hiện qua những sách lược chủ trương và các quyết định 's 1 Nhà nước được đề ra trên cơ sở nhằm đạt mục tiêu nhất định về đối ngoại 's quốc gia trong 1???????????????

b. Sự tham gia 's các chủ thể.

* Đảng cầm quyền: Cơ sở đối ngoại bắt nguồn từ các chính sách chính trị của đảng cầm quyền.

- Cơ sở đối ngoại được xác định trong các văn kiện chính 's Đảng cầm quyền ??????? (ĐCS: đường lối chính trị công khai).

- Cơ sở đối ngoại được thể hiện trong các nghị quyết của đảng, trong khuôn khổ cơ sở ngoại giao 's Nhà nước.

* Nhà nước:

- Cơ quan lập pháp: Cơ thể gây áp lực nhất định đối với cơ sở đối ngoại theo thẩm quyền của mình.

- Cơ quan hành pháp: + Là chủ thể đặc lực trong quá trình xây dựng, hình thái. cơ sở đối ngoại là chủ thể thực hiện cụ thể hoá, làm sống các chính sách đối ngoại thông qua các hoạt động ngoại giao.

* Xã hội: Duluẩn : ý kiến cụ thể của đa số, ý kiến 's nhân dân thông qua mối quan hệ 1 cuộc trưng cầu dân ý.

Có 2 xu hướng: ủng hộ, không ủng hộ.

Câu 58: Từ mục tiêu và nguyên tắc cơ bản trong cơ sở đối ngoại's Đảng và Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

a. Mục tiêu:

* Tạo được môi trường hoà bình, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi nhằm tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

* Cơ sở đối ngoại nhằm vào việc mở rộng, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ đối ngoại.

+ Đa phương hoá: Thiết lập các quan hệ giữa nước ta thuộc các nước láng giềng, các nước XHCN , các nước trong khu vực và trên thế giới để tạo những sự đồng cảm, đồng nhất giải quyết các vấn đề có lợi ích phù hợp.

+ Đa dạng hoá + Hợp tác vì lợi ích chung, 's phù hợp chế độ chính trị, sự khác nhau về ý thức hệ.

- Thể hiện ở hình thức giao hữu đa chủ thể, hình thức quan hệ đa lĩnh vực.

* Tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu, ủng hộ và cùng nhân dân thế giới đấu tranh bảo vệ hoà bình chống nguy cơ cạnh tranh và chạy đua vũ trang, góp phần xây dựng trật tự chính trị, kinh tế quốc tế, dân chủ, công bằng.

Củng cố, nâng cao vị thế 's Việt Nam trên trường quốc tế.

b. Nguyên tắc:

- Xuyên suốt: Giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ phát triển vì 1 nước công nghiệp giàu mạnh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác không dùng vũ lực đe dọa dùng vũ lực, tăng cường hợp tác cùng có lợi, giải quyết bất đồng tranh chấp bằng thương lượng, hoà bình, phản đối mọi âm mưu và hoạt động gây sức ép, áp đặt cường quốc.
- Thực hiện 1 quân cơ sở đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá đa dạng hoá các quan hệ quốc tế vì hoà bình, độc lập, dân chủ trên tiến bộ xã hội.
- Phối hợp mạnh dân tộc và thời đại; sức mạnh trong nước và quốc tế.
- Đẩy mạnh lợi ích dân tộc chân chính kết hợp mọi công nghệ quốc tế g/c ????
- Chủ động hội nhập quốc tế (nguyên tắc mới)

Câu 59: Nêu và phân tích những đặc điểm trong chính sách đối ngoại cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. Tính nhất quán của đường lối chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, thể hiện:

+ Đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng đa phương lý đa dạng hoá các quan hệ đối ngoại, tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Khẳng định kiên trì xã hội chủ nghĩa

+ Kiên trì chủ trương đối ngoại trên cơ sở dân chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ không can thiệp vào nội bộ quốc gia và không đồng tình mọi các quốc gia có ý đồ can thiệp vào các nước độc lập cơ chủ quyền.

2. Tính chủ đạo, cởi mở kết hợp tình nhất quán. nguyên tắc là đặc điểm trong quan hệ Việt Nam - các nước đối đầu với Việt Nam trước đây.

- Thêm bạn, bớt thù, khép lại quá khứ, hướng tới tương lai.

3. Tính năng động, linh hoạt trong quan hệ đối ngoại Nhà nước Việt Nam sẵn sàng thiết lập các quan hệ trên thị trường hiểu biết lẫn nhau, 2 bên đều có lợi, không can thiệp vào nội bộ của nhau.

Việt Nam mỗi làm bạn với tất cả các nước cộng đồng thế giới phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.

4. Cơ sở đối ngoại, không tách rời sự đổi mới các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tăng trưởng kinh tế, tạo độ tin cậy của các nhà đầu tư nước ngoài phát huy nội lực, tận dụng ngoại lực, đẩy mạnh sản xuất, ptld, tăng sản phẩm cả về chất lượng - xuất khẩu.

+ Đổi mới xã hội về mọi mặt, đổi mới cơ chế chính sách hành chính, quản lý.

5. Cơ sở đối ngoại - dựa trên cơ sở pháp luật 's Nhà nước. là cơ sở đối ngoại 's 1 quốc gia độc lập thống nhất có chủ quyền phán ảnh được bản chất Nhà nước CHXHCNVN ('s d ??????????)

Câu 60: Phân tích vị thế của Việt Nam từ 1 số yếu tố cơ bản trong quan hệ chính trị quốc gia hiện nay.

* Vị thế 's Việt Nam trong (+) đồng quốc tế hết xuất phát từ nhân tố cơ bản bên trong của Nhà nước trong từng gđ chính sách nhất định.

* Các yếu tố cơ bản đó là.

(1) Việt Nam là 1 quốc gia có quy mô dân số lớn

Dân số với các yếu tố: số dân, cơ cấu dân cư, trình độ dân trí mức thu nhập bình quân đầu người... là những yếu tố hàng đầu 's Nhà nước để hoạch định chính sách đối nội cùng được đối ngoại

Nhà nước là 1 nước đang phát triển: kinh tế dựa vào sản xuất nông nghiệp là chủ yếu - quy mô dân số as nước ta vẫn là 1 lợi thế GNP và GNPCòn thấp - Nhà nước phải có chiến lược phát triển nhằm tăng tốc độ phát triển kinh tế quốc dân. Việt Nam có trình độ dân trí thuộc loại cao so với một số quốc gia có trình độ kinh tế tương đương, Luôn luôn lao động có nhiều năng lực tiềm tàng dồi dào, khéo léo, cần cù, sáng tạo, xây dựng kỹ năng nắm bắt nhanh Khoa học công nghệ.

2. Việt Nam là 1 nước đa dạng về tiềm năng.

- Tiềm năng là những yếu tố tiềm tàng, có thực, có thể tham gia vào 1 hoạt động nhất định của xã hội. Đóng góp vào quản lý quốc tế, giao lưu kinh tế.

* Tài nguyên thiên nhiên: Tuy không có những tiềm năng quý hiếm có trữ lượng lớn nhưng Việt Nam hội tụ những tiềm năng cho 1 cơ cấu kinh tế đa dạng: biển, dầu mỏ, khí đốt, những sản phẩm nông nghiệp, nhiệt đới điển hình, lúa gạo, cao su, ca phe.

* Vị trí địa lý, cũng là những ưu đãi thiên nhiên để phát triển có cửa ngõ giao lưu, gần kề với các khu vực làm ăn năng động.

- Là tiền đề để tạo lập các chính sách trong giao lưu quốc tế's Việt Nam mà không phải nước nào cũng có được.

3. Việt Nam là quốc gia có nền chính trị ổn định.

Ổn định chính trị là 1 yếu tố 's sự phát triển tiên đề cho sự phát triển là tiêu thức quan trọng các nhà đầu tư nước ngoài.

Việt Nam là ???? thống nhất, ổn định chính trị với đường lối chiến lược phát triển đngiên cứu đúng đắn 's Đảng chính sách công nghiệp và năng lực quản lý 's Nhà nước được nhân dân ủng hộ đang phát triển vững chắc theo định hướng xã hội chủ nghĩa - là sức hấp dẫn các nước các tập đoàn kinh tế đầu tư vào Việt Nam.

Tài liệu được đóng góp bởi thành viên Diễn đàn www.hanhchinhvn.com